

Số: **1219**/TTr-VTG

Hà Nội, ngày **23** tháng **4** năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v thông qua tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ vào Điều lệ của Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (Tổng Công ty);

Căn cứ vào quá trình thực hiện nhiệm vụ năm 2025 của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) Tổng Công ty;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Căn cứ vào Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 về việc quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026, Hội đồng Quản trị ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao cho thành viên HĐQT, BKS, Thư ký Công ty và ngân sách hoạt động năm 2025 và dự kiến mức thù lao, ngân sách hoạt động năm 2026 như sau:

1. Báo cáo quyết toán thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT, BKS năm 2025:

1.1. Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty

- Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách: 0 người.
- Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 07 người.

Trong năm 2025, thù lao của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty được chi trả theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ-VTG ngày 05/06/2025, cụ thể như sau:

- Tổng mức thù lao của thành viên HĐQT và thư ký là: **1.036.400.000 VNĐ**, trong đó:

- + Chủ tịch HĐQT: 20.800.000 VNĐ/tháng.
- + Thành viên HĐQT: 10.400.000 VNĐ/tháng.
- + Thư ký Công ty: 9.000.000 VNĐ/tháng.



- Chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2025 là: **1.190.177.086 đồng**.

1.2. Ban Kiểm soát

- Tổng tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Kiểm soát trong năm 2025 là **4,36 tỷ đồng**.

- Chi phí hoạt động của BKS là: **692 triệu đồng**.

2. Đề xuất mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, thù lao của Thư ký Công ty năm 2026 (Áp dụng từ 01/03/2026).

2.1. Đề xuất thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- Tổng mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty tối đa là: **2.112.000.000 đồng**.

- Ngân sách hoạt động của HĐQT trong năm 2026: tối đa 05 tỷ đồng (thanh toán theo chi phí phát sinh thực tế).

2.2. Đề xuất tiền lương, tiền thưởng, lợi ích khác và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

- Tổng mức lương và lợi ích khác dự kiến chi trả cho Ban Kiểm soát trong năm 2026 là **3,69 tỷ đồng**.

- Dự kiến ngân sách hoạt động năm 2026 của BKS: **869 triệu đồng**.

- Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát chuyên trách, mức lương/thù lao hàng tháng được xác định theo Quy chế tiền lương hiện hành của Tổng Công ty (bao gồm các khoản phụ cấp được quy định trong quy chế). Mức lương bổ sung (lương SXKD) được hưởng theo kết quả SXKD của đơn vị. Các khoản khen thưởng khác căn cứ chi theo các tờ trình phát sinh nhưng không vượt quá giới hạn của ngân sách quỹ khen thưởng của người quản lý được duyệt.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, VP HĐQT. Quỳnh02.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đào Xuân Vĩ

Số: 916/BC-VTG

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO
Của Hội đồng Quản trị năm 2025 và định hướng năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel.

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Đặc điểm, tình hình chung.

Năm 2025 là năm Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (Viettel Global) hoàn thành xuất sắc năm cuối của Chiến lược 2021-2025 trong một bối cảnh môi trường kinh doanh quốc tế đặt ra nhiều thử thách chưa từng có về cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Hội đồng Quản trị (HĐQT) đánh giá bối cảnh năm 2025 tác động đến hoạt động của Tổng Công ty theo hai chiều:

a) Bối cảnh thị trường và những thách thức chiến lược

- Về địa chính trị và bất ổn thị trường, năm 2025 là năm thử thách tổng lực đối với danh mục đầu tư của Viettel Global. Tại Myanmar, "thảm họa kép" từ trận động đất 7,7 độ Richter (tháng 3/2025) kết hợp với bất ổn chính trị kéo dài gây thiệt hại nặng nề về hạ tầng mạng lưới và buộc Mytel phải tập trung nguồn lực khôi phục hoạt động. Tại Haiti, thủ đô bị kiểm soát phần lớn bởi các nhóm lực lượng, đã có hơn 1 triệu người tị nạn nội địa. Hội đồng chuyển tiếp liên tục hoãn bầu cử - tạo ra môi trường kinh doanh đặc biệt khó khăn. Tại Campuchia, xung đột biên giới với Thái Lan gây giao tranh, đóng cửa khẩu và cắt cáp quang quốc tế. Tại Tanzania, bầu cử dẫn đến bạo lực và cắt mạng internet. Đây là năm mà Viettel Global phải điều hành đồng thời nhiều thị trường trong tình trạng đặc biệt khó khăn, điều đó đã kiểm nghiệm thực sự về bản lĩnh và năng lực quản trị rủi ro toàn hệ thống.

- Về kinh tế vĩ mô và chi phí vận hành, chính sách thuế quan đối ứng của chính quyền Tổng thống Donald Trump áp lên các đối tác châu Á - trong đó có các thị trường Viettel Global đang đầu tư như Lào, Myanmar, Campuchia gây biến động chuỗi cung ứng thiết bị và đẩy chi phí vốn tăng cao. Lạm phát tại Burundi, Myanmar và Haiti duy trì ở mức đặc biệt cao, trực tiếp bào mòn sức mua của khách hàng và đẩy chi phí vận hành lên mức khó kiểm soát. Biến động tỷ giá tiếp tục là gánh nặng cơ cấu khi phần lớn chi phí đầu tư phát sinh bằng USD trong khi doanh thu thu về bằng đồng bản tệ đang mất giá.

- Về môi trường và pháp lý, biến đổi khí hậu gây ra thiên tai liên tiếp, đặc biệt trận động đất tại Myanmar gây thiệt hại trực tiếp đến hạ tầng trạm BTS và

buộc phải tái đầu tư ngoài kế hoạch. Cùng với đó, nhiều thị trường siết chặt quy định viễn thông - từ đăng ký thuê bao sinh trắc học, thuê mới đối với dịch vụ số đến yêu cầu an ninh mạng và lưu trữ dữ liệu nội địa - làm tăng gánh nặng tuân thủ và chi phí vận hành.

b) Cơ hội và các yếu tố thúc đẩy

- Bất chấp bề rộng của các thách thức, năm 2025 cũng hội tụ những yếu tố thuận lợi đặc thù cho mô hình kinh doanh của Viettel Global. Lạm phát toàn cầu cải thiện từ 5,9% (2024) xuống 4,2%, các ngân hàng trung ương lớn bắt đầu nới lỏng chính sách tiền tệ - tạo nền tảng kinh tế vĩ mô tích cực hơn cho hoạt động đầu tư. Timor-Leste chính thức gia nhập ASEAN tháng 10/2025, mở ra giai đoạn hội nhập kinh tế mới cho thị trường mà Viettel đang nắm giữ vị thế dẫn đầu. Tại Campuchia, hơn 1 triệu lao động hồi hương từ Thái Lan vô hình chung thúc đẩy tăng trưởng thuê bao Metfone đột biến.

- Về công nghệ và ngành nghề, làn sóng chuyển đổi số tiếp tục là động lực tăng trưởng bền vững tại tất cả thị trường Viettel đầu tư. Nhu cầu dữ liệu di động tăng mạnh, tái chính diện từ mở rộng sang dịch vụ cho vay và tiết kiệm, hệ sinh thái dịch vụ số ngày càng trở thành lựa chọn ưu tiên của người tiêu dùng - đặc biệt tại châu Phi và Đông Nam Á. Đây chính là nền tảng để doanh thu dịch vụ ngoài viễn thông truyền thống của Viettel Global lần đầu tiên vượt ngưỡng 15%.

- Đánh giá tổng thể, HĐQT nhận định: năm 2025 là năm kiểm chứng thực sự năng lực phục hồi và thích ứng của hệ thống quản trị. Việc hoàn thành xuất sắc 8/8 chỉ tiêu kế hoạch với doanh thu dịch vụ tăng trưởng 21%, lợi nhuận trước thuế xấp xỉ 600 triệu USD và tỷ lệ hoàn vốn lũy kế đạt 91% - trong bối cảnh đa khủng hoảng đồng thời tại nhiều thị trường - là minh chứng rõ nét nhất cho sức mạnh của mô hình đầu tư đa thị trường và bản lĩnh của Ban điều hành. Đây là năm thứ 9 liên tiếp Viettel Global duy trì tăng trưởng hai con số tại các thị trường nước ngoài, và là nền tảng vững chắc nhất để bước vào giai đoạn chiến lược 2026-2030.

2. Bối cảnh ngành Viễn thông, Công nghệ thông tin:

- Năm 2025 là năm ngành viễn thông toàn cầu trải qua một bước ngoặt cơ cấu quan trọng: ranh giới giữa nhà mạng viễn thông và Công ty công nghệ ngày càng mờ đi. Dịch vụ viễn thông truyền thống chỉ tăng trưởng khoảng 3% toàn cầu trong khi các dịch vụ số (tái chính diện từ, hạ tầng số, nội dung và giải pháp doanh nghiệp) tăng trưởng 8-22%. Tỷ trọng doanh thu ngoài viễn thông truyền thống của các nhà mạng dẫn đầu thế giới đang tiệm cận mức 30%. Đây không còn là xu hướng dài hạn - đây là thực tế cạnh tranh hiện tại mà mọi nhà mạng toàn cầu, bao gồm Viettel Global buộc phải định vị lại mô hình kinh doanh của mình.

Chuyển dịch cơ cấu ngành: từ kết nối sang hệ sinh thái

- Xu hướng chi phối của ngành năm 2025 là quá trình chuyển đổi từ "nhà mạng cung cấp kết nối" sang "nền tảng công nghệ cung cấp hệ sinh thái dịch vụ số". Các tập đoàn viễn thông lớn toàn cầu đang đẩy mạnh đầu tư vào Data Center, Cloud, tài chính số, logistics và an ninh mạng đồng thời theo đuổi chiến lược "Asset light": thoái vốn khỏi hạ tầng thụ động, tập trung nguồn lực vào các dịch vụ và giải pháp có biên lợi nhuận cao hơn.

- Tài chính điện tử là mảng chuyển dịch nhanh và mạnh nhất. Tại châu Phi và Đông Nam Á - hai khu vực cốt lõi của Viettel Global - ví điện tử đang vượt qua giai đoạn giao dịch thanh toán đơn giản để tiến vào dịch vụ cho vay vi mô, tiết kiệm và bảo hiểm. Ngân hàng trung ương nhiều quốc gia chủ động thúc đẩy chuẩn hóa hệ thống thanh toán số quốc gia và thanh toán xuyên biên giới, tạo khung pháp lý thuận lợi cho việc mở rộng hệ sinh thái tài chính số. Đây chính là nền tảng để Viettel Global đẩy nhanh chiến lược phát triển tài chính điện tử toàn diện tại tất cả thị trường trong giai đoạn 2026-2030.

Cuộc đua công nghệ: 5G tại Đông Nam Á, 4G vẫn là động lực tại châu Phi

Năm 2025 đánh dấu giai đoạn triển khai thương mại 5G mạnh mẽ tại Đông Nam Á. Campuchia, Lào, và Tanzania đều được cấp thêm tần số C-Band trong năm, mở đường cho việc triển khai 5G quy mô lớn. Đây là tín hiệu rõ ràng: cuộc đua 5G tại các thị trường Viettel Global đầu tư đã bắt đầu và sẽ tăng mạnh trong năm 2026. Trong khi đó, châu Phi vẫn còn dư địa lớn cho 4G với tỷ lệ thuê bao di động 4G mới chỉ đạt khoảng 50,6% - thấp hơn đáng kể so với mức trung bình toàn cầu - cho thấy khu vực này đang ở giai đoạn tích lũy trước khi chuyển dịch mạnh sang dữ liệu và dịch vụ số.

Áp lực cạnh tranh: đối thủ đầu tư mạnh, tái cơ cấu quyết liệt

- Động thái cạnh tranh tại các thị trường Viettel Global đầu tư năm 2025 diễn ra sôi động theo hai hướng đồng thời: đầu tư hạ tầng và mở rộng hệ sinh thái số. Tại Myanmar, ATOM không chỉ đầu tư 5G mà còn đẩy mạnh nội dung số và fintech. Tại Campuchia, Smart Axiata và TrueMoney ký MoU tích hợp viễn thông, tài chính số, báo hiệu sự hội tụ dịch vụ ngày càng sâu hơn. Tại Burundi, Lyca Mobile được cấp phép khai thác mạng toàn quốc, làm gia tăng áp lực cạnh tranh lên Lumitel - thị trường đang ở đỉnh cao sau khi hoàn vốn sớm. Tại Timor-Leste, Telkomcel ra mắt Internet băng rộng hộ gia đình, tạo mặt trận cạnh tranh mới ngoài di động.

Đánh giá tổng thể, HĐQT nhận định bối cảnh ngành năm 2025 xác nhận tính đúng đắn và cấp thiết của định hướng chiến lược chuyển đổi Viettel Global sang mô hình công ty công nghệ. Việc doanh thu dịch vụ ngoài viễn thông truyền thống của Viettel Global lần đầu tiên vượt ngưỡng 15% trong năm 2025 là tín hiệu tích cực, nhưng cũng cho thấy khoảng cách còn lớn so với các nhà mạng dẫn đầu toàn

cầu. Việc rút ngắn khoảng cách này là nhiệm vụ chiến lược trọng tâm của giai đoạn 2026-2030.

3. Kết quả hoạt động quản trị của HĐQT năm 2025

Trong năm 2025, HĐQT Viettel Global đã nghiêm túc triển khai các nội dung được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thường niên năm 2025 thông qua tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCD-VTG ngày 05/6/2025.

Bên cạnh đó, HĐQT tập trung tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành (BDH) thông qua các cuộc họp định kỳ và đột xuất nhằm theo dõi sát sao kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) và các lĩnh vực quan trọng khác.

Các hoạt động của HĐQT được tổ chức theo đúng Điều lệ Tổng Công ty và quy định pháp luật hiện hành. Các biên bản, nghị quyết được thông qua với sự thống nhất cao giữa các thành viên, đảm bảo tính pháp lý và khả năng triển khai hiệu quả.

Trong năm, HĐQT đã tổ chức họp và ban hành 92 nghị quyết, tập trung chỉ đạo nhiều nội dung trọng tâm, tiêu biểu như:

- Tổ chức thành công ĐHĐCD thường niên năm 2025.
- Thông qua, giao kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2025 cho Tổng Công ty và các Công ty thị trường.
- Chỉ đạo xây dựng Chiến lược VTNN 2026-2030.
- Định hướng chuyển đổi Viettel Global thành Công ty đầu tư toàn cầu theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Giám sát thường xuyên hoạt động của các Công ty thị trường.
- Kiện toàn nhân sự HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Thông qua các hợp đồng, giao dịch với bên liên quan (chi tiết trong Tờ trình giao dịch với bên có liên quan).

4. Tổng kết hoạt động của HĐQT năm 2025

HĐQT đã có những đóng góp quan trọng vào thành công chung của Viettel Global trong năm 2025, cụ thể:

Định hướng chiến lược và chính sách điều hành: HĐQT định hướng chiến lược chuyển đổi từ "viễn thông truyền thống" sang "Công ty công nghệ toàn cầu kinh doanh đa lĩnh vực", xây dựng cơ chế chính sách và huy động nguồn lực để đồng hành cùng Ban điều hành tháo gỡ khó khăn, hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch.

Hỗ trợ hoạt động SXKD và giám sát kết quả thực hiện: HĐQT chủ động chỉ đạo, giám sát sát sao hoạt động SXKD, góp phần quan trọng giúp Viettel Global hoàn thành vượt mức 8/8 chỉ tiêu kế hoạch năm.

Tổng doanh thu hợp nhất: 49.109 tỷ đồng, tăng trưởng 22,8% so với năm 2024, hoàn thành 127% kế hoạch đã đề ra (38.649 tỷ đồng);

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 15.176 tỷ đồng, tăng 4.509 tỷ đồng (tăng 42,3%) so với năm 2024 (10.667 tỷ đồng), hoàn thành 200% kế hoạch (7.599 tỷ đồng).

Đột phá đầu tư tần số và công nghệ: HDQT chỉ đạo đầu tư hiệu quả và quyết tâm vào tần số - công nghệ: được cấp thêm phổ tần 4G/5G tại các thị trường (Burundi, Tanzania, Lào, Campuchia, Timor-Leste), nâng tổng số lên 6 thị trường có 5G. Đầu tư mạnh dạn cho Halotel 106 triệu USD, tạo cú hích bứt phá phát triển kinh doanh.

Tăng cường hoạt động đối ngoại cấp cao: HDQT tích cực tham gia các hoạt động đối ngoại, tháo gỡ vướng mắc pháp lý và tạo thuận lợi cho kinh doanh tại các thị trường.

Phát triển tổ chức và nhân sự: Hoàn thành đào tạo Giám đốc Vi Công ty thị trường, chương trình đào tạo PTGD kỹ thuật; điều chỉnh chính sách tiền lương mới cho nhân sự nước ngoài.

Ghi nhận danh hiệu cao quý: Chính phủ Việt Nam đã trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động cho Viettel Global và Metfone, cùng huân chương Lao động hạng Ba cho Movitel và Lumitel. Trên trường quốc tế, chỉ tính riêng năm 2025, các công ty tại nước ngoài đã khẳng định vị thế với 37 giải thưởng uy tín như World Communications Awards, Stevie Awards, ASEAN Digital Awards, Globe Awards... Tính đến nay, các công ty Viettel Global đầu tư tại nước ngoài đã vinh dự nhận lũy kể 60 Huân chương, bằng khen từ Chính phủ Việt Nam cũng như các nước sở tại, cùng 130 giải thưởng quốc tế uy tín.

4.1. Công tác chỉ đạo giám sát của HDQT

Trong năm 2025, HDQT đã thực hiện vai trò chỉ đạo và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành của Ban điều hành, thông qua việc ban hành 92 nghị quyết, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng như tài chính, đầu tư, tổ chức bộ máy, pháp lý và quản trị nội bộ.

Một số hoạt động chỉ đạo, giám sát nổi bật bao gồm:

- **Chỉ đạo giám sát đầu tư và tổ chức bộ máy:** HDQT đã giao Ban Tổng Giám đốc tổ chức giám sát và kiểm soát hoạt động đầu tư theo các mục tiêu tài chính đã được phê duyệt; đồng thời thực hiện sắp xếp lại và kiện toàn chức năng quản lý tại Tổng Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.
- **Chính sách lương thưởng cho Ban điều hành:** Trong năm 2025, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả đầy đủ các khoản lương, thưởng và chế độ khác cho

Ban Tổng Giám đốc (bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc), với tổng số tiền là 27.391.148.972 đồng, tuân thủ đúng quy định hiện hành.

- **Giao dịch với bên liên quan:**

+ HĐQT đã giám sát việc thực hiện các giao dịch giữa Tổng Công ty và các bên liên quan, hoặc người có liên quan của người nội bộ. (Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm).

+ Giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Có phát sinh (bao gồm các giao dịch với Viettel Post và Viettel Logistic).

- **Giám sát minh bạch thông tin nội bộ:** HĐQT cập nhật và công bố đầy đủ danh sách người có liên quan của Tổng Công ty (Phụ lục 02), đảm bảo minh bạch thông tin theo quy định pháp luật và quy chế nội bộ.

4.2. Cổ đông và Cổ phiếu

Cổ đông: Trong năm 2025, Viettel Global đã thực hiện tốt công tác quản lý cổ đông, cụ thể: (i). Giải đáp thông tin và hỗ trợ thủ tục: Cung cấp thông tin kịp thời, chính xác; cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông có yêu cầu hợp lệ; (ii). Cập nhật dữ liệu cổ đông: Phối hợp với các cơ quan chức năng để điều chỉnh thông tin cổ đông theo yêu cầu, với tổng số 117 lượt điều chỉnh đã được thực hiện.

Cổ phiếu: Năm 2025 là năm Viettel Global ghi nhận doanh thu 49.109 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 15.176 tỷ đồng, cao nhất từ trước đến nay. Trong năm 2025, giá cổ phiếu VGI ghi nhận tích lũy ở quanh vùng giá 65.000-80.000 đồng/cổ phiếu; Hết năm 2025, vào đầu năm 2026, cổ phiếu VGI có tăng trưởng mạnh mẽ, có thời điểm đạt đỉnh mới với mức giá 142.800 đồng/cổ phiếu.

4.3. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị

Văn phòng HĐQT đã hoạt động tích cực, hoàn thành tốt chức năng tham mưu và hỗ trợ HĐQT trong công tác điều hành. Một số kết quả nổi bật gồm:

- **Cung cấp thông tin và tổ chức họp:** Đảm bảo cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các tài liệu, báo cáo phục vụ họp HĐQT; đồng thời tổ chức hiệu quả các cuộc họp định kỳ và đột xuất.

- **Công bố thông tin:** Thực hiện công bố các nghị quyết, báo cáo quản trị bằng song ngữ đúng thời hạn, đáp ứng yêu cầu về minh bạch và tuân thủ quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

- **Tổ chức Đại hội đồng cổ đông:** Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 05/6/2025.

4.4. Thu lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm 2025

Trong năm 2025, việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT được thực hiện đúng theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thông qua, đảm bảo minh bạch và tuân thủ quy định nội bộ. Tổng thù lao chi trả cho HĐQT và thư ký là: **1.036.400.000 đồng** (cho 12 tháng). Chi phí hoạt động của HĐQT được quản lý chặt chẽ, tối ưu, tập trung vào các hoạt động phục vụ giám sát, chỉ đạo và định hướng chiến lược Tổng Công ty.

5. Công tác chỉ đạo và giám sát Tổng Giám đốc và người điều hành khác

5.1. Đánh giá thực hiện các mục tiêu SXKD năm 2025

Trong năm 2025, mặc dù phải đối mặt với nhiều biến động kinh tế – chính trị toàn cầu, Ban điều hành Viettel Global đã thể hiện tinh thần chủ động, bám sát thực tiễn thị trường để điều chỉnh linh hoạt các phương án kinh doanh. Kết quả:

- **Tổng doanh thu hợp nhất: 49.109 tỷ đồng**, tăng trưởng **22,8%** so với năm 2024, hoàn thành **127%** kế hoạch đã đề ra (38.649 tỷ đồng);
- **Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 15.176 tỷ đồng**, tăng 4.509 tỷ đồng (tăng **42,3%**) so với năm 2024 (10.667 tỷ đồng), hoàn thành **200%** kế hoạch (7.599 tỷ đồng).
- Tỷ lệ hoàn vốn lũy kế: Đạt 91%, 6/9 thị trường đã hoàn vốn đầu tư cho Viettel Global.

Đóng góp nổi bật tại các thị trường:

- Châu Á: Metfone (Campuchia) phát triển đột phá về thuê bao với gần 700 nghìn thuê bao tăng thêm, cao nhất từ trước đến nay; Mytel (Myanmar) phục hồi nhanh sau động đất, đạt lợi nhuận kỷ lục 128 triệu USD, đứng số 1 lợi nhuận toàn VTG; Unitel (Lào) doanh thu tăng trưởng tốt; Telemor (Timor-Leste) hưởng lợi từ việc gia nhập ASEAN.
- Châu Phi: Movitel (Mozambique) đạt lợi nhuận ấn tượng là 117,3 triệu USD; Lumitel (Burundi) hoàn vốn Viettel sớm 10 tháng so với kế hoạch; Halotel (Tanzania) đạt 7 triệu thuê bao vào tháng 6/2025, sớm 4 tháng so với kế hoạch;
- Châu Mỹ: Natcom (Haiti) duy trì vị trí nhà mạng số 1 với hơn 51% thị phần.

5.2. Đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ HĐQT giao

HĐQT đánh giá cao sự chủ động và năng lực điều hành của Ban Điều hành trong việc:

Thực thi chiến lược và kế hoạch kinh doanh: triển khai sát với định hướng của ĐHĐCD và HĐQT; điều chỉnh linh hoạt theo thực tiễn.

Thực hiện nghị quyết và chỉ đạo: tuân thủ đúng tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ được HĐQT giao.

Bám nắm thị trường và xu thế: cập nhật thường xuyên tình hình ngành, đưa ra quyết định dựa trên phân tích thực tiễn.

Thực hiện quản trị và tuân thủ: xây dựng hệ thống quản trị rủi ro toàn diện, tuân thủ đúng quy định pháp luật và nội bộ.

Hiệu quả vận hành: doanh thu, lợi nhuận liên tục tăng trưởng; mở rộng thị phần; nâng cao uy tín và giá trị thương hiệu Viettel Global trên thị trường quốc tế.

HĐQT tin tưởng rằng với sự chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao của BDH, Viettel Global sẽ tiếp tục gặt hái nhiều thành công hơn nữa trong thời gian tới.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

1. Dự báo đặc điểm tình hình chung

Năm 2026 là năm đầu tiên Viettel Global triển khai Chiến lược 2026-2030 trong một bối cảnh thế giới có cả thuận lợi lẫn thách thức đan xen. HĐQT đánh giá môi trường kinh doanh năm 2026 theo hai chiều tác động trực tiếp đến định hướng điều hành của Tổng Công ty:

Những yếu tố tạo thuận lợi và cơ hội

Về kinh tế vĩ mô, lạm phát toàn cầu tiếp tục được cải thiện và Fed duy trì xu hướng cắt giảm lãi suất, giúp giảm áp lực tỷ giá và chi phí vốn tại các thị trường đầu tư. Đây là nền tảng hỗ trợ cho việc tối ưu hóa cơ cấu vốn và mở rộng đầu tư trong năm bản lề chiến lược. Tại một số thị trường trọng điểm như Mozambique, Myanmar, Tanzania và Haiti, tăng trưởng kinh tế dự báo cải thiện so với năm 2025, tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng nhu cầu dịch vụ viễn thông và dịch vụ số.

Về công nghệ và ngành nghề, làn sóng chuyển đổi công nghệ từ 2G/3G sang 4G và 5G toàn cầu đang tạo ra cơ hội đặc thù cho Viettel Global: châu Phi - khu vực cốt lõi của danh mục đầu tư - vẫn còn dư địa tăng trưởng 4G rất lớn (tỷ lệ thuê bao 4G mới đạt 50,6%, so với trung bình thế giới 65,1%), trong khi Đông Nam Á và Mỹ Latinh bắt đầu chuyển dịch sang 5G với tốc độ nhanh. Đây là thời điểm lý tưởng để Viettel Global khai thác đồng thời hai làn sóng công nghệ, cùng cố lợi thế hạ tầng trước đối thủ. Xu hướng các tập đoàn viễn thông châu Âu thoái vốn khỏi các thị trường không cốt lõi tiếp tục tạo ra khoảng trống M&A, mở ra cơ hội mở rộng địa lý phù hợp với thể mạnh và kinh nghiệm của Viettel Global - đặc biệt tại khu vực Mỹ Latinh.

Về chuyển đổi số tại các thị trường đầu tư, nhu cầu số hóa của cả chính phủ lẫn doanh nghiệp tại khu vực châu Á và châu Phi tiếp tục tăng mạnh, tạo dư địa lớn cho các dịch vụ tái chính số, hạ tầng số và giải pháp doanh nghiệp - đúng vào thời điểm Viettel Global chủ trương đầu tư mạnh vào các lĩnh vực này. Timor-

Leste gia nhập ASEAN từ cuối năm 2025 cũng mở ra cơ hội kinh doanh mới cho Telemor trong bối cảnh hội nhập khu vực.

Những thách thức và rủi ro

Về địa chính trị, năm 2026 là năm có mật độ bầu cử cao nhất trong danh mục đầu tư của Viettel Global với các thị trường tổ chức bầu cử lớn: Burundi, Tanzania và Myanmar. Bộ máy quản lý thay đổi đồng nghĩa với việc có nhiều điều chỉnh chính sách, thay đổi cơ chế với doanh nghiệp nước ngoài. Tình hình bất ổn tại Haiti tiếp tục là rủi ro thường trực đối với hoạt động của Natcom, đòi hỏi năng lực quản trị khủng hoảng linh hoạt và nhất quán.

Về tài chính và chi phí vận hành, biến động tỷ giá tiếp tục là thách thức dai dẳng: 4/7 thị trường dự báo mức tăng tỷ giá cao hơn năm 2025, trong đó Lào, Burundi và Myanmar có mức rủi ro tỷ giá đặc biệt cao. Gánh nặng thuế ngành viễn thông tại nhiều thị trường gia tăng - điển hình là thuế 10% doanh thu nền tảng số tại Burundi (ước tính 8,4 triệu USD) - trực tiếp gây áp lực lên biên lợi nhuận và đòi hỏi Ban điều hành phải có giải pháp tối ưu chi phí vận hành thực chất.

Về cạnh tranh ngành, các đối thủ đang đẩy mạnh đầu tư 5G đồng thời mở rộng sang hệ sinh thái dịch vụ số. Đây là hai lĩnh vực Viettel Global cũng đang tập trung chiến lược.

Đánh giá tổng thể, HDQT nhận định: bối cảnh năm 2026 tuy nhiều thách thức nhưng không kém phần cơ hội - và điều quyết định thành công là khả năng của Ban điều hành trong việc khai thác đúng thời điểm các cơ hội công nghệ và thị trường, đồng thời quản trị chủ động các rủi ro địa chính trị và tài chính. Viettel Global bước vào năm 2026 từ một nền tảng vững chắc: tỷ lệ hoàn vốn đạt 91%, 10/10 thị trường hoàn thành kế hoạch và danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới - đây là lợi thế xuất phát quan trọng để tự tin triển khai chiến lược chuyển đổi trong năm bản lề 2026.

Năm 2026 là năm "Khởi động chiến lược - Khai mở tăng trưởng - Chuẩn hóa toàn cầu" - năm đầu tiên triển khai Chiến lược Viễn thông nước ngoài 2026-2030. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, năng lực điều hành linh hoạt và nền tảng vững chắc từ những thành công của năm 2025, Viettel Global kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định, đồng thời chuyển đổi thành công sang mô hình công ty công nghệ kinh doanh toàn cầu đa lĩnh vực.

2. Định hướng hoạt động của Tổng Công ty năm 2026

Năm 2026 là năm Viettel Global chuyển đổi căn bản mô hình hoạt động từ công ty viễn thông đơn thuần sang công ty công nghệ kinh doanh toàn cầu, đa lĩnh vực. Theo đó, Tổng Công ty tập trung vào sáu nhóm định hướng chiến lược:

a. Duy trì tăng trưởng vượt trội, bứt phá sang dịch vụ số

Tiếp tục duy trì đà tăng trưởng hai con số về doanh thu dịch vụ (16,1%) và lợi nhuận (17,2%), đồng thời thực hiện bước chuyển dịch cơ cấu doanh thu có tính chiến lược: tỷ trọng doanh thu ngoài viễn thông truyền với giá trị tuyệt đối đạt 332 triệu USD. Dịch vụ viễn thông truyền thống tiếp tục giữ vai trò nền tảng tạo dòng tiền ổn định, trong khi dịch vụ số - bao gồm tài chính điện tử, nội dung số, hạ tầng số và giải pháp doanh nghiệp - phải trở thành động lực tăng trưởng mới, thực chất và đo lường được ngay từ năm đầu của chiến lược.

b. Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ, đi trước đón đầu chu kỳ 5G

Chủ động triển khai thương mại 5G tại các thị trường đã được cấp phép tần số, đồng thời hoàn thiện phủ sóng 4G tại châu Phi - khu vực còn nhiều dư địa tăng trưởng thuê bao. Song song, hạ tầng số gồm Data Center đạt chuẩn quốc tế và nền tảng Cloud cần được khởi động xây dựng ngay trong năm 2026 để sẵn sàng kinh doanh từ năm 2027. Cần đầu tư theo nhu cầu kinh doanh và tín hiệu thị trường, đánh giá hiệu quả đầu tư theo cả giai đoạn 5 năm nhằm tạo không gian đủ rộng cho Ban điều hành nắm bắt cơ hội và đầu tư đúng thời điểm.

c. Tối ưu vốn, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả tài chính

Xác định tối ưu chi phí vận hành là nhiệm vụ bắt buộc, với mục tiêu tiết giảm 3-5% OPEX có thể tối ưu trong năm 2026. Bên cạnh đó, mô hình mua sắm tập trung toàn hệ thống cần được củng cố để nâng cao vị thế đàm phán, giảm chi phí đầu tư và kiểm soát chất lượng. Về quản lý rủi ro tài chính, Ban điều hành cần chủ động xây dựng các giải pháp phòng ngừa biến động tỷ giá tại các thị trường nhạy cảm, đồng thời nghiên cứu các công cụ đầu tư tài chính mới nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tiền nhân rồi. Mục tiêu dòng tiền về Việt Nam năm 2026 đạt 437 triệu USD, tăng 18% so với năm 2025, phản ánh cam kết tạo giá trị thực và bền vững cho Tập đoàn và cổ đông.

d. Khởi động đa dạng hóa ngành nghề và mở rộng thị trường mới

Năm 2026 là năm "khởi động" có kiểm soát đối với lĩnh vực mới: Logistics tại khu vực Đông Dương. Đây là bước đi có tính toán, tận dụng hạ tầng, thị trường, mạng lưới phân phối sẵn có, Viettel Global thực hiện đa dạng hóa nguồn thu dài hạn mà không phân tán nguồn lực cốt lõi. Về mở rộng thị trường, sau khi nghiên cứu thị trường Cộng hòa Dominicana, Viettel Global đánh giá thị trường còn nhiều tiềm năng (nền kinh tế lớn nhất khu vực Caribe, tình hình an ninh ổn định, nguồn tài nguyên tần số còn đủ cho nhà mạng mới, thị trường viễn thông ở thể độc quyền đối và giá cước Data còn ở mức cao). Trong năm 2026, Viettel Global sẽ đẩy mạnh xúc tiến đầu tư mới tại thị trường Dominicana. Việc triển khai các thủ tục xúc tiến đầu tư, bao gồm tham dự đấu thầu lấy giấy phép tại Dominicana, các thủ tục đầu tư ra nước ngoài tại Việt Nam sẽ được thực hiện phù hợp với quy

định pháp luật, quy định về thẩm quyền có liên quan. Đồng thời, Viettel Global duy trì nghiên cứu các cơ hội khác tại khu vực Mỹ Latinh - nơi xu hướng thoái vốn của các tập đoàn châu Âu đang tạo ra khoảng trống đầu tư phù hợp với thế mạnh và kinh nghiệm của Viettel Global.

e. Xây dựng tổ chức và nhân lực ngang tầm chiến lược

Thực thi chiến lược chuyển đổi đòi hỏi năng lực tổ chức và con người ở tầm mức mới. Ban điều hành cần ưu tiên hoàn thiện mô hình quản trị đầu tư toàn cầu theo chuẩn mực quốc tế, đẩy nhanh lộ trình áp dụng IFRS và xây dựng khung năng lực toàn cầu cho đội ngũ cán bộ chủ chốt. Công tác quy hoạch nhân sự kế cận phải đi trước nhu cầu kinh doanh, đặc biệt đảm bảo đủ nhân lực lãnh đạo cho các thị trường hiện có và thị trường đầu tư mới. Chính sách đãi ngộ cần tiếp tục được cải thiện để thu hút và giữ chân nhân tài cạnh tranh trong môi trường quốc tế.

f. Củng cố quản trị rủi ro, pháp chế và nâng tầm thương hiệu

HDQT xác định quản trị rủi ro và tuân thủ pháp luật không chỉ là yêu cầu nội bộ mà còn là nền tảng để Viettel Global xây dựng uy tín với nhà đầu tư quốc tế và chuẩn bị cho định hướng niêm yết. Hệ thống QTRR toàn hệ thống cần được nâng lên mức trưởng thành thực chất, gắn với văn hóa tuân thủ trong mọi quyết định kinh doanh. Về pháp chế, cần xử lý dứt điểm các vướng mắc còn tồn đọng tại một số thị trường. Đặc biệt, năm 2026 Viettel Global kỷ niệm 20 năm kinh doanh toàn cầu - HDQT định hướng tổ chức chuỗi sự kiện phù hợp, gắn với truyền thông về định hướng chuyển đổi chiến lược, tạo hiệu ứng tích cực với nhà đầu tư, đối tác và thị trường quốc tế.

Các chỉ tiêu chính năm 2026:

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt **52.561 tỷ đồng**, tăng 7% so với năm 2025, tăng 3.450 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt **13.275 tỷ đồng**, giảm 12,5% so với thực hiện năm 2025, giảm 1.901 tỷ đồng. Nguyên nhân ảnh hưởng bởi lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, giảm 2.296 tỷ đồng (năm 2025 có lãi 1.074 tỷ đồng trong khi kế hoạch năm 2026 lỗ 1.221 tỷ đồng). Nếu loại trừ ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá thì lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh tăng 395 tỷ đồng (~3%) so với thực hiện 2025.

3. Định hướng theo các lĩnh vực

3.1. Về hoạt động chiến lược kinh doanh:

Năm 2026 tăng trưởng của Viettel Global dựa trên bốn động lực song song: viễn thông truyền thống, dịch vụ số, lĩnh vực mới và mở rộng thị trường.

Đối với dịch vụ viễn thông truyền thống, tiếp tục củng cố vai trò nền tảng tạo doanh thu và lợi nhuận, giữ vững vị trí dẫn đầu thị phần tại các thị trường chiến lược, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi công nghệ sang 5G tại các thị trường đã được cấp phép tần số. Dịch vụ viễn thông truyền thống tuy tăng trưởng chậm lại so với năm 2025, nhưng vẫn là trụ cột tạo dòng tiền ổn định cho toàn hệ thống.

Đối với dịch vụ số là động lực tăng trưởng chiến lược giai đoạn 2026-2030, với mục tiêu doanh thu dịch vụ ngoài viễn thông truyền thống đạt 332 triệu USD trong năm 2026. Ban điều hành cần tập trung phát triển hệ sinh thái tài chính số toàn diện (từ ví điện tử đến dịch vụ cho vay, tiết kiệm), đẩy mạnh nội dung số, xổ số - betting tại các thị trường có tiềm năng, đồng thời khởi động kinh doanh dịch vụ hạ tầng số (Data Center, Cloud) để sẵn sàng cho giai đoạn tăng trưởng đột phá từ 2027.

Đối với các lĩnh vực mới, năm 2026 "khởi động" Logistics tại khu vực Đông Dương, lĩnh vực khai thác tối đa hạ tầng và quan hệ sẵn có của Viettel Global, tạo nền tảng cho đa dạng hóa nguồn thu giai đoạn sau.

Về mở rộng thị trường, hoàn tất các bước cần thiết để hiện thực hóa đầu tư tại Cộng hòa Dominicana trong năm 2026, đồng thời tiếp tục nghiên cứu, đánh giá các thị trường tiềm năng tại Mỹ Latinh và theo dõi cơ hội thoái vốn từ các tập đoàn châu Âu tại các thị trường phù hợp với định hướng chiến lược của Viettel Global.

3.2. Về hoạt động kỹ thuật, công nghệ:

- HDQT định hướng năm 2026 là năm triển khai hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật toàn hệ thống, hướng tới mục tiêu "Một Viettel - Một hạ tầng số - Chuẩn công nghệ thống nhất toàn cầu". Đây là nền tảng không thể thiếu để Viettel Global thực hiện thành công chiến lược chuyển đổi sang Công ty công nghệ.

- Về hạ tầng mạng lưới, đẩy mạnh triển khai thương mại 5G tại các thị trường đã được cấp phép tần số, đồng thời hoàn thiện phủ sóng 4G tương đương 2G tại tất cả các thị trường. Hạ tầng số - đặc biệt là Data Center đạt chuẩn quốc tế và nền tảng Cloud, cần được khẩn trương xây dựng để đáp ứng nhu cầu kinh doanh dịch vụ số từ năm 2027.

- Về ứng dụng công nghệ mới, đặt AI, tự động hóa và chuyển đổi số nội bộ vào trung tâm của kế hoạch vận hành, nhằm nâng cao năng suất, giảm chi phí vận hành và cải thiện trải nghiệm khách hàng. Năng lượng xanh - tái tạo cần được đẩy mạnh ứng dụng tại hạ tầng trạm BTS, vừa giảm chi phí vận hành, vừa đáp ứng cam kết phát triển bền vững của Tập đoàn.

3.3. Về hoạt động Quản lý vốn:

- HDQT định hướng xây dựng mô hình quản lý tài chính toàn cầu hóa, lấy hiệu quả sử dụng vốn và kiểm soát rủi ro làm trung tâm. Năm 2026 là đầu chu kỳ

đầu tư 5G nên HDQT chủ trương đánh giá hiệu quả đầu tư theo cả giai đoạn 5 năm (2026-2030), không giới hạn cứng theo từng năm, nhằm tạo không gian đủ rộng cho Ban điều hành nắm bắt cơ hội và đầu tư đúng thời điểm.

- Về mua sắm và quản lý chi phí, đẩy mạnh mô hình mua sắm tập trung toàn hệ thống nhằm tối ưu chi phí đầu tư và nâng cao vị thế đàm phán với các nhà cung cấp. Mục tiêu tối ưu 3-5% chi phí OPEX trong năm 2026 cần được Ban điều hành coi là nhiệm vụ bắt buộc, góp phần bảo vệ và nâng cao lợi nhuận trong bối cảnh áp lực thuế và lạm phát tại nhiều thị trường.

- Về quản lý rủi ro tài chính, xây dựng chiến lược toàn diện đối phó biến động tỷ giá tại các thị trường nhạy cảm, đồng thời chủ động nghiên cứu triển khai các công cụ đầu tư tài chính mới để tối ưu hóa dòng tiền nhận rồi và nâng cao tỷ suất lợi nhuận tổng thể.

3.4. Về hoạt động quản trị Nhân lực và đào tạo:

- Nhân lực chất lượng cao - đặc biệt là đội ngũ quản lý cấp cao am hiểu thị trường quốc tế - là yếu tố then chốt quyết định thành công của chiến lược chuyển đổi giai đoạn 2026-2030. Cần ưu tiên công tác quy hoạch và phát triển nhân sự kế cận, đảm bảo đủ nguồn lực lãnh đạo cho cả các thị trường hiện có lẫn thị trường đầu tư mới.

- Chính sách đãi ngộ cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng cạnh tranh, công bằng và gắn với hiệu quả kinh doanh từng thị trường, nhằm thu hút và giữ chân nhân tài. Song song đó cần chú trọng đào tạo chuyên sâu trong các lĩnh vực công nghệ mới và dịch vụ số, đảm bảo năng lực đội ngũ đi trước nhu cầu kinh doanh.

3.5. Về hoạt động Thương hiệu, Quản trị rủi ro và Pháp chế

- Năm 2026 là năm Viettel Global kỷ niệm 20 năm kinh doanh toàn cầu - một dấu mốc có ý nghĩa đặc biệt để khẳng định vị thế và định hình hình ảnh mới của Viettel Global trên trường quốc tế. HDQT chỉ đạo tổ chức chuỗi sự kiện kỷ niệm phù hợp, gắn với truyền thông chiến lược chuyển đổi sang công ty công nghệ toàn cầu, tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực tới các nhà đầu tư, đối tác và thị trường.

- Về quản trị rủi ro, tiếp tục nâng cao mức độ trưởng thành của hệ thống quản trị rủi ro toàn hệ thống, xây dựng văn hóa tuân thủ đi vào thực chất trong mọi quyết định kinh doanh. Đây không chỉ là yêu cầu quản trị nội bộ mà còn là điều kiện tiên quyết để Viettel Global đáp ứng kỳ vọng của nhà đầu tư quốc tế và chuẩn bị cho định hướng niềm yết trong tương lai.

- Về pháp chế, tiếp tục chuyên nghiệp hóa công tác pháp lý doanh nghiệp, xử lý các vướng mắc còn tồn đọng tại một số thị trường.

Viettel Global cần tiếp tục đầu tư vào các lĩnh vực này để duy trì vị thế là một nhà đầu tư viễn thông hiệu quả và phát triển.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel, kính báo cáo Đại hội xem xét thông qua/.

Trân trọng cảm ơn/.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT; VP HĐQT. Quyển 02.



Đại tá Đào Xuân Vũ



Số: 917/BC-VTG

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Của Ban Điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Đặc điểm tình hình:

Năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Xung đột quân sự và bất ổn chính trị lan rộng ở Nga-Ukraina, Israel-Palestine-Iran, Campuchia-Thái Lan; Mỹ áp thuế đối ứng lên ~ 60 quốc gia, đặc biệt với hàng Trung Quốc và các nước châu Á (Campuchia, Việt Nam, Lào, Myanmar) khiến nền kinh tế thế giới và tại các quốc gia bị áp thuế đối diện với nhiều rủi ro, nguy cơ bất ổn tài chính và tỷ giá do suy giảm xuất khẩu, nợ công cao; Thiên tai, biến đổi khí hậu cực đoan với bão, lũ, hạn hán, cháy rừng tại châu Á, châu Phi, Nam Mỹ.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt 3,2%, tương đương so với năm 2024. Lạm phát toàn cầu năm 2025 trung bình đạt khoảng 5,8% (giảm từ mức 6,7% của năm 2024), lạm phát đã có sự hạ nhiệt đáng kể so với giai đoạn 2023-2024 nhờ chính sách thắt chặt tiền tệ quyết liệt của các ngân hàng trung ương.

Trong bối cảnh đó, Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (Viettel Global) vẫn duy trì mức tăng trưởng doanh thu hai chữ số và ghi nhận lợi nhuận trước thuế tăng trưởng liên tục trong 7 năm liên tiếp. Năm 2025 cũng là năm VTG thực hiện tốt và tập trung vào mục tiêu đầu tư hiệu quả tạo đà chắc chắn để tiếp tục trên chặng đường giai đoạn phát triển 5 năm tới.

Đặc biệt, năm 2025, các thị trường Viettel đầu tư tạo được những dấu ấn nổi bật như Lumitel hoàn vốn Viettel vào tháng 2/2025 (sớm hơn KH 10 tháng); Mytel đạt mốc lợi nhuận cao nhất từ khi kinh doanh (~128tr\$), Movitel tiếp tục bứt phá lợi nhuận trước thuế với mốc 161tr\$, Metfone vượt mốc 8 triệu thuê bao, doanh thu vượt mốc 500tr\$, lợi nhuận trước thuế vượt mốc 120tr\$. Đây là những dấu ấn mạnh mẽ, tiếp tục khẳng định vị thế vững chắc của Viettel Global tại các thị trường quốc tế.

Trong năm 2025, Viettel Global đã đạt được nhiều kết quả nổi bật nhờ triển khai hiệu quả và đồng bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD). Tổng Công ty duy trì tăng trưởng ổn định ở các lĩnh vực truyền thông, đồng thời đẩy mạnh

xúc tiến đầu tư, tìm kiếm các mô hình kinh doanh mới nhằm mở rộng không gian tăng trưởng.

Tại các thị trường đầu tư, Viettel Global chủ động cử lực lượng hỗ trợ trực tiếp để tháo gỡ khó khăn, giải quyết các vấn đề phức tạp, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động SXKD.

Tổng Công ty đã đặt mục tiêu chiến lược 5 năm giai đoạn 2026-2030 trong đó tập trung vào xây dựng VTG trở thành Công ty công nghệ toàn cầu, kinh doanh đa lĩnh vực, góp phần kiến tạo cuộc sống số tại các thị trường đầu tư. Đưa VTG vào **Top 20 Công ty lớn nhất thế giới** về quy mô thuê bao viễn thông, hướng tới mốc **100 triệu khách hàng** Tập dụng quy mô hạ tầng và lợi thế công nghệ để đẩy mạnh phát triển dịch vụ mới phần đầu tỷ trọng doanh thu ngoài viễn thông chiếm từ 17% đến 25% tổng doanh thu vào năm 2030. Triển khai 5 lĩnh vực kinh doanh (Viễn thông, Tài chính điện tử, Dịch vụ số khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp, dịch vụ mới) trên 4 nhóm khách hàng chiến lược dựa trên phát triển hạ tầng số để dẫn dắt chuyển đổi số và phát triển bền vững.

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Với những nỗ lực thực hiện kế hoạch, đến hết năm 2025 Viettel Global đã đạt được kết quả như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2025				2024		
			Thực hiện	Kế hoạch	%KH	Tăng trưởng	Thực hiện	Kế hoạch	%KH
1	Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	49.109	38.649	127%	22,8%	40.000	31.746	126%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	15.176	7.599	200%	42,3%	10.667	5.477	195%

Ghi chú: Lợi nhuận trước thuế tăng cao chủ yếu do hầu hết các Công ty thị trường (bao gồm cả Công ty con và Công ty liên kết) đều tăng trưởng tốt trong kinh doanh; doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của các Công ty thị trường tăng trưởng mạnh, trong đó: Lumitel tại Burundi tăng 35%, Natcom tại Haiti tăng 27%, Halotel tại Tanzania tăng 26%, Movitel tại Mozambique tăng 19%, Telemor tại Đông Timor tăng 7%, Metfone tại Campuchia tăng 7%; đặc biệt các Công ty Vi điện tử cũng tăng trưởng rất ấn tượng: Halopesa tại Tanzania tăng 42%, Lumicash tại Burundi tăng 38%, M_mola tại Mozambique tăng 33%, Emoney tại Cambodia tăng 27%, Mosan tại Đông Timor tăng 26%. Bên cạnh đó, lợi nhuận từ các Công ty liên kết cũng mang lại mức tăng trưởng ấn tượng 24% góp phần vào mức tăng trưởng lợi nhuận của Viettel Global.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

- VTG đã tập trung mọi nguồn lực cần thiết, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu SXKD năm 2025 (doanh thu, lợi nhuận) vượt mức kế hoạch đề ra.
- Tiếp tục duy trì tốt hoạt động kinh doanh đối với các dịch vụ viễn thông truyền thống (di động, cố định băng rộng) bằng nhiều chiến lược trọng điểm như **đẩy mạnh chuyển dịch 4G và 5G**: Tiếp tục phát triển thuê bao 4G tại các thị trường có mức độ thâm nhập còn thấp như Châu Phi và Haiti. Đồng thời, thực hiện thương mại hóa và chuyển dịch kinh doanh sang công nghệ 5G tại các thị trường trọng điểm như Unitel, Metfone, Lumitel, Halotel và Telemor. Đẩy mạnh dịch vụ FTTH (cáp quang tận nhà) để tăng tỷ lệ đóng góp tăng trưởng, kết hợp với dịch vụ truyền hình màn hình lớn và camera an ninh. Đồng thời mở rộng không gian, đẩy mạnh phát triển các dịch vụ mới (superapp, Ví điện tử, Logistics). Trong năm khai trương thành công dịch vụ Logistics tại Lào, đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái SuperApp và Dịch vụ nội dung tại các thị trường Châu Á và Châu Mỹ. Năm 2025 ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ của dịch vụ Ví điện tử tại nhiều thị trường, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng doanh thu.
- Hoàn thành xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 5 năm 2026-2030 cho tất cả các thị trường nước ngoài.
- VTG hoàn thành các chương trình xúc tiến trọng điểm mở rộng vị thế, hình ảnh Viettel nói chung tại các nước đang đầu tư; Đồng thời mở ra các cơ hội đầu tư kinh doanh, các chính sách ưu đãi cũng như tạo thuận lợi cho quá trình hoạt động của các Công ty thị trường. Tiếp tục nghiên cứu, khảo sát và đánh giá cơ hội tại các thị trường tiềm năng mới khi có điều kiện thuận lợi về chính trị và kinh tế, nhằm gia tăng quy mô và tầm ảnh hưởng của Viettel trên toàn cầu.
- Thực hiện rà soát tổng thể mô hình tổ chức của các công ty thị trường hướng đến tối ưu bộ máy để giúp các công ty thị trường hoạt động tốt hơn, linh hoạt hơn và đảm bảo đạt được các mục tiêu chiến lược đến năm 2030.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

1. Dự báo về môi trường kinh doanh:

Năm 2026, tình hình thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức: Xung đột địa chính trị trên toàn cầu sẽ kéo dài với khả năng leo thang căng thẳng ở nhiều khu vực cùng lúc (Nga – Ucraina, Israel – Palestin – Iran). Kinh tế toàn cầu dự báo tiếp tục tăng trưởng chậm lại ở mức 3,1% (giảm nhẹ so với mức 3,2% năm 2025), giá cả hàng hóa và tiền tệ sẽ biến động khó lường do ảnh hưởng từ chiến tranh thương mại Mỹ và Trung Quốc. Tại các nước Viettel đầu tư, một số quốc gia GDP dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2026 cải thiện hoặc tương đương so với năm 2025: Tanzania 6% (tương đương năm 2025); Lào 5,3% (năm 2025: 4,8%);

Cambodia 4% (tương đương năm 2025); Mozambique 3,5% (năm 2025: 2,5%); Myanmar 3% (năm 2025: -2,7%); Burundi 2,6% (năm 2025: 1,9%); Haiti -1,2% (năm 2025: -3,1%). Một số thị trường dự báo tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với năm 2025; Timor Lest 3,3% (năm 2025: 3,9%).

Tại các quốc gia như Campuchia, Timor, Myanmar, Lào đã bắt đầu đẩy mạnh triển khai chiến lược chuyển đổi số, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và phát triển nền kinh tế số. Đây là cơ hội lớn cho các công ty viễn thông và công nghệ như Viettel Global.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2026:

Với những dự báo nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu và nhiệm vụ trọng tâm như sau:

2.1. Chỉ tiêu chính:

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt **52.561 tỷ đồng**, tăng 7% so với năm 2025, tăng 3.450 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt **13.275 tỷ đồng**, giảm 12,5% so với thực hiện năm 2025, giảm 1.901 tỷ đồng. Nguyên nhân ảnh hưởng bởi lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ giảm 2.296 tỷ đồng (năm 2025 có lãi 1.074 tỷ đồng trong khi kế hoạch năm 2026 lỗ 1.221 tỷ đồng). Nếu loại trừ ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá thì lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh tăng 395 tỷ đồng (~3%) so với thực hiện 2025.

2.2. Nhiệm vụ trọng tâm:

- Tập trung mọi nguồn lực cần thiết, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu SXKD năm 2026 (doanh thu, lợi nhuận).
- Đẩy mạnh kinh doanh các dịch vụ mới (Triển khai dịch vụ chuyển phát, vận tải và kho vận tại Lào, Campuchia, Myanmar; nghiên cứu triển khai các lĩnh vực: cho thuê hạ tầng viễn thông, năng lượng mặt trời, dịch vụ khách hàng).
- Triển khai chiến lược phát triển giai đoạn 5 năm 2026-2030 cho tất cả các thị trường nước ngoài.
- Bổ sung tần số cho thị trường Myanmar, Mozambique (Mục tiêu: Hoàn tất thủ tục xin cấp mới/ bổ sung tần số với cơ quan chủ quản; Đưa tần số vào khai thác khi được phê duyệt).

2.3. Giải pháp thực hiện:

- Giải pháp về đầu tư và công nghệ: Đẩy mạnh triển khai các chương trình chuyển đổi số toàn diện cho VTG và các Công ty thị trường mục tiêu tăng khả năng quản lý giám sát và tăng NSLĐ; Tiếp tục mở rộng vùng phủ 4G tiến tới bằng 2G tại tất cả thị trường; Nâng cấp, tăng dung lượng, chất lượng mạng 4G; Triển khai kinh doanh 5G tại 8/9 thị trường (trừ Mytel); Đảm bảo hạ tầng 5G cho các thủ đô, trung tâm tỉnh và khu vực có tiềm năng dịch vụ truy cập không dây cố

định tốc độ cao tại 1 số thị trường (Tanzania, Burundi, Timor-leste...); Đảm bảo hạ tầng, điều kiện kinh doanh cho CDBR (Mở rộng mạng GPON – 380k cổng và bắt đầu triển khai x-GPON một số thị trường) và các dịch vụ mới như Logistic, điện NLMT.

- Về đầu tư vào các dịch vụ mới: Phát triển Dịch vụ Truyền hình: VTG tập trung mua chung các nội dung bản quyền cho các thị trường châu Á (Q1/2026), Châu Mỹ (Q2/2026); Hoàn thiện lộ trình “bản quyền hoá nội dung” tại các thị trường vẫn còn nhiều tiềm năng (Lào, Myanmar, Haiti, Mozambique, Timor) để đảm bảo công tác SXKD, truyền thông sản phẩm. Các thị trường châu Á đánh giá tính khả thi triển khai dịch vụ màn hình lớn, các thị trường châu Phi tập trung triển khai màn hình nhỏ. Đánh giá triển khai hợp tác với những đối tác uy tín như Netflix, Cartoon Network, AXN, Discovery, Warner TV, CNN.... Về Ví điện tử: Các thị trường đẩy mạnh triển khai ví điện tử theo lộ trình chuyển dịch phổ biến 4 bước: Ví điện tử → Hệ sinh thái thanh toán số → Dịch vụ tài chính số → Ngân hàng số; Năm 2026, các thị trường tập trung thực hiện thiết kế, xây dựng, xin phép để DC đạt tiêu chuẩn (tối thiểu Tier III) và xây dựng hệ sinh thái Cloud, để sẵn sàng kinh doanh từ năm 2027. Ưu tiên triển khai dịch vụ Logistic tại 3 thị trường Lào, Campuchia và Myanmar.

- Giải pháp về xúc tiến đầu tư và đảm bảo nguồn vốn: Tiếp tục hỗ trợ các thị trường thực hiện công tác đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD. Tổ chức giám sát tài chính thị trường Tanzania; Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị tài chính tổng thể, đảm bảo sử dụng vốn tối ưu, kiểm soát chi phí và tối đa hóa lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư tài chính; Gia tăng doanh thu tài chính thông qua việc tối ưu dòng tiền, quản trị thanh khoản chủ động, khai thác hiệu quả nguồn vốn nhân rồi và tìm kiếm cơ hội sinh lời an toàn. Về hoạt động xúc tiến đầu tư: Chuẩn bị hồ sơ tham gia đấu thầu tần số; Tổ chức đoàn khảo sát và thiết kế chi tiết kế hoạch triển khai mạng lưới; Hoàn thiện thủ tục pháp lý trong nước để xin cấp Giấy chứng nhận ĐTRNN; Đàm phán hợp đồng nhượng quyền với Cơ quan quản lý viễn thông của Cộng hòa Dominicana; Thành lập Công ty con của Viettel tại Dominicana để ký kết hợp đồng nhượng quyền; Chuyển tiền thanh toán giấy phép tần số theo quy định pháp luật.

- Giải pháp về kinh doanh và truyền thông: Đẩy mạnh chuyển đổi và phát triển thuê bao 4G tại thị trường có mức độ thâm nhập thấp/chưa bão hòa (Châu Phi, Haiti). Phát triển thuê bao chất lượng cao, dịch vụ số khách hàng cá nhân (xổ số, game, OTT TV) để tăng tiêu dùng (Châu Á); Chuyển dịch kinh doanh 5G và thương mại hóa tại Unitel, Metfone, Lumitel, Halotel, Telemor. Triển khai dịch vụ FTTH (cáp quang đến tận nhà) tăng tỉ lệ đóng góp tăng trưởng hàng năm, triển khai các gói cước kết hợp với dịch vụ truyền hình (màn hình lớn), camera an ninh.

- Giải pháp về các hoạt động quản trị rủi ro: Nâng cao mức độ trưởng thành, chuyên nghiệp, phát triển bền vững hoạt động quản trị VTG. Áp dụng hệ thống CNTT vào hoạt động quản trị rủi ro tối ưu nguồn lực, kiểm soát tốt chất lượng hoạt động quản trị rủi ro.

- Giải pháp quản trị nguồn nhân lực: Rà soát, đánh giá và hoàn thiện mô hình tổ chức, khung nhân sự tại các CTTT; gắn công tác tạo nguồn, tuyển dụng và bố trí nhân sự với quy hoạch tổ chức, bảo đảm chủ động nguồn nhân sự chất lượng cao, đặc biệt cho các thị trường mới; Tối ưu công tác nhân sự – tiền lương theo hướng đồng bộ, minh bạch, bảo đảm tính cạnh tranh và phù hợp thực tiễn từng thị trường; triển khai sử dụng dịch vụ nhân sự dùng chung nhằm nâng cao hiệu quả chi phí và tối ưu nguồn lực.

Trên đây là báo cáo của Tổng Giám đốc Tổng Công ty, kính báo cáo Đại hội xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cơ đồng TCT;
- Lưu: VT; VP, Tầng02.



Nguyễn Thị Hoa

Số: 918 /TTr-VTG

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Tổng Công ty
Và Báo cáo tình hình sử dụng vốn điều lệ năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ hiện tại của Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (“Tổng Công ty”);

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 và tình hình sử dụng vốn điều lệ trong năm 2025, cụ thể như sau:

1. Một số chỉ tiêu chính của Báo cáo tài chính năm 2025

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất	VTG HO
1	Tổng tài sản	81.511	48.902
2	Nợ phải trả	38.672	3.548
	- Nợ vay:	5.027	111
3	Vốn chủ sở hữu	42.839	45.348
4	Tổng Doanh thu	49.109	12.702
	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.271	3.489
5	Giá vốn hàng bán	21.560	2.212
6	Lợi nhuận trước thuế	15.176	7.332
7	Thuế TNDN	3.925	629
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.251	6.703

(Báo cáo tài chính chi tiết đính kèm)



• **Về các ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên BCTC hợp nhất năm 2025**

- Ý kiến ngoại trừ đối với việc không hợp nhất số liệu tài chính của Công ty Viettel Cameroun (“VCR”) trên báo cáo tài chính hợp nhất và trình bày khoản đầu tư vào VCR trên khoản mục đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Tổng Công ty xin được giải trình như sau:

- Ý kiến ngoại trừ liên quan đến Công ty VCR: VGI đã thận trọng áp dụng theo hướng dẫn tại Điểm b, Điều 10, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất để chuyển khoản đầu tư vào Công ty VCR từ khoản đầu tư vào công ty con sang khoản đầu tư dài hạn khác, do đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán Công ty VCR chưa cung cấp được số liệu tài chính trên 12 tháng để hợp nhất như quy định.

2. Báo cáo tình hình sử dụng vốn điều lệ năm 2025

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ các đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo các nội dung như sau:

STT	Nội dung	Số vốn đã sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Sử dụng trong năm 2025	Số vốn đã sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
1	Đầu tư vào thị trường Myanmar	3.889,62		3.889,62
	- Góp vốn điều lệ	603,43		603,43
	- Thanh toán nợ vay ngân hàng phục vụ mục đích đầu tư	3.286,20		3.286,20
2	Đầu tư vào thị trường khác	920,99		920,99
	- Góp vốn điều lệ	300,00		300,00
	- Thanh toán nợ vay ngân hàng phục vụ mục đích đầu tư	620,99		620,99
3	Thực hiện các nhiệm vụ chiến lược	1.824,39	89,00	1.913,39
	- Thanh toán nợ vay ngân hàng và thương mại phục vụ mục đích bán thiết bị cho công ty con, công ty liên kết	1.824,39	89,00	1.913,39
4	Tổng số vốn đã sử dụng	6.635,00	89,00	6.724,00
5	Số vốn chưa sử dụng (Tiền gửi ngân hàng)	1.365,00		1.276,00
6	Tổng cộng vốn	8.000,00		8.000,00

Đối với vốn điều lệ chưa sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 1.276 tỷ đồng, đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua việc cho phép Tổng Công ty tiếp tục sử dụng trong các năm tiếp theo, căn cứ theo các mục đích đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tại thời điểm tăng vốn và được báo cáo định kỳ hàng năm theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, VPHĐQT, Quýnh02.



Đại tá Đào Xuân Vũ



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026**

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (“BKS”) NĂM 2025

1. Tổng kết hoạt động của BKS năm 2025

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất để thảo luận, xem xét và thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Các nội dung chính được Ban Kiểm soát xem xét và thông qua trong năm bao gồm:

- Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát và tổ chức triển khai các chương trình giám sát theo kế hoạch;
- Thông qua các kết quả giám sát định kỳ và các báo cáo giám sát chuyên đề của Ban Kiểm soát;
- Thẩm định các nội dung tài liệu thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Đánh giá chất lượng hoạt động của đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;
- Xem xét, thông qua các kết luận kiểm tra, giám sát chuyên đề và theo dõi việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát.
- Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng công ty theo chuẩn COSO 2013, qua đó nhận diện các điểm mạnh, các khoảng trống kiểm soát và kiến nghị các biện pháp hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ.

- Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025 được thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

- Việc chi trả thù lao và lợi ích khác của BKS cao hơn so với ngân sách được phê duyệt, nguyên nhân:

- VTG thực hiện điều chỉnh Quy chế tiền lương từ ngày 01/11/2025 dẫn đến thay đổi nguyên tắc và cơ cấu chi trả tiền lương trong các tháng cuối năm.



- Theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, tổng chi tiền lương thực tế cao hơn tương đương 01 tháng so với kế hoạch.

2. Đánh giá giao dịch giữa công ty với người có liên quan.

(theo quy định tại Khoản 4 – Điều 290 – ND 155/2020/NĐ-CP)

- Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát việc kê khai người có liên quan và lợi ích liên quan của các cá nhân nội bộ tại Tổng Công ty, đồng thời theo dõi việc công bố thông tin đối với các giao dịch với người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy việc thực hiện các giao dịch giữa Tổng Công ty với các bên có liên quan cơ bản được thực hiện theo đúng trình tự, thẩm quyền và quy định nội bộ của Tổng Công ty. Các hợp đồng, giao dịch phát sinh trong kỳ đã được xem xét, phê duyệt theo đúng phân cấp thẩm quyền; giá trị và nội dung giao dịch nằm trong phạm vi danh mục giao dịch với bên liên quan đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, xem xét và có ý kiến thẩm định trước khi Tổng Giám đốc Tổng Công ty thực hiện ký kết các hợp đồng theo phân cấp ủy quyền của Hội đồng quản trị; đồng thời giám sát việc tuân thủ các quy định về quản trị công ty nhằm bảo đảm tính minh bạch, tránh xung đột lợi ích và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông và Tổng Công ty.

3. Kết quả giám sát công tác quản trị điều hành của HĐQT

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty.

- Qua giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và ban hành nghị quyết theo đúng trình tự, thẩm quyền; các nội dung quyết nghị tập trung vào các vấn đề trọng yếu như định hướng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, các giao dịch với bên liên quan và các quyết định quản trị quan trọng khác.

- Ban Kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng quản trị và giám sát hoạt động điều hành; kịp thời định hướng, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai các mục tiêu và nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện chế độ báo cáo định kỳ với Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành; trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã có các chỉ đạo phù hợp nhằm hỗ trợ Ban điều hành hoàn thành các mục tiêu kế hoạch. Các Thành viên HĐQT đã thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ nghiêm túc, cẩn trọng, phát huy tốt các hoạt động giám sát, định hướng đối với các lĩnh vực được phân công.

- Trong bối cảnh hoạt động đầu tư quốc tế của Tổng Công ty tiếp tục mở rộng và môi trường kinh doanh tại một số thị trường còn nhiều biến động, Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị tiếp tục tăng cường giám sát hiệu quả đầu tư, nâng cao chất lượng quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực và phát triển bền vững của Tổng Công ty.

- **Ý kiến thẩm định Báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ:** Ban Kiểm soát nhận thấy Báo cáo của Hội đồng quản trị đã phản ánh đầy đủ tình hình quản trị, điều hành và kết quả hoạt động của Tổng Công ty trong năm 2025.

4. Kết quả giám sát công tác quản trị điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2025.

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

- Qua giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong bối cảnh môi trường kinh doanh tại nhiều thị trường đầu tư còn tiềm ẩn nhiều khó khăn, như biến động kinh tế vĩ mô, rủi ro chính trị, biến động tỷ giá và thay đổi chính sách quản lý tại các quốc gia sở tại.

- Ban Tổng Giám đốc đã phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên, duy trì cơ chế điều hành linh hoạt, thường xuyên báo cáo và tham mưu Hội đồng quản trị trong việc điều chỉnh các giải pháp điều hành nhằm bảo đảm thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

- Hoạt động quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ tiếp tục được quan tâm triển khai, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và hỗ trợ công tác điều hành trong toàn Tổng Công ty.

- Thẩm định Báo cáo của BTGD trình ĐHĐCĐ:

- Ban Kiểm soát đã xem xét các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ, giải pháp điều hành năm 2026 do Ban Tổng Giám đốc trình Đại

hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát nhận thấy các chỉ tiêu kế hoạch và các giải pháp điều hành được xây dựng trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện năm 2025 và bối cảnh hoạt động tại các thị trường đầu tư; các định hướng điều hành phù hợp với mục tiêu duy trì tăng trưởng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng Công ty.

- Ban Kiểm soát lưu ý Ban điều hành tiếp tục tăng cường công tác quản trị rủi ro tài chính, đặc biệt là rủi ro tỷ giá, đồng thời đánh giá thận trọng các cơ hội đầu tư tại các thị trường mới nhằm bảo đảm hiệu quả đầu tư và khả năng thu hồi vốn.

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông.

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát duy trì sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng giám sát theo quy định.
- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số cuộc họp của Ban điều hành để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Tổng Công ty. Các đơn vị chức năng và Văn phòng Hội đồng quản trị cơ bản thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác giám sát của Ban Kiểm soát theo quy định.
- Các kiến nghị của Ban Kiểm soát trong quá trình giám sát đã được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tiếp thu, chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện giải trình và khắc phục.
- Trong năm, không phát sinh nội dung lớn liên quan đến yêu cầu giám sát từ phía cổ đông; công tác quan hệ cổ đông được Tổng Công ty thực hiện theo quy định.

6. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025

- Báo cáo tài chính năm 2025 (bao gồm Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất) đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán. Ban Kiểm soát đã xem xét Báo cáo kiểm toán và các nội dung liên quan, nhận thấy Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp luật hiện hành. Theo ý kiến của kiểm toán độc lập, Báo cáo tài chính năm 2025 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các luồng tiền trong năm tài chính, ngoại

trừ ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến việc chưa thu thập đầy đủ thông tin tài chính để thực hiện hợp nhất đối với khoản đầu tư tại Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L.

Một số chỉ tiêu BCTC công ty mẹ:

- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán (đơn vị: nghìn tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	+/-	%
1	Tổng tài sản	43,64	48,90	5,26	12%
2	Nợ phải trả	2,71	3,55	0,84	31%
3	Vốn chủ sở hữu	40,93	45,35	4,42	11%
4	Tổng phải thu	41,16	42,03	0,87	2%
5	Trích lập dự phòng Nợ phải thu khó đòi	-23,61	-26,49	-2,88	12%
6	Tổng các khoản đầu tư dài hạn	7,46	11,27	3,80	51%
7	Trích lập dự phòng Đầu tư tài chính dài	-5,06	-5,06	0,00	0%
8	Tổng phải trả Vay ngân hàng	0,15	0,11	-0,04	-28%
9	Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,07	0,08		
10	Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	17,92	14,15		
11	Khả năng thanh toán tức thời (lần)	11,47	10,57		

- Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty mẹ đạt 48,90 nghìn tỷ đồng, tăng 5,26 nghìn tỷ đồng (~12%) so với cuối năm 2024. Cơ cấu tài sản tiếp tục duy trì tỷ trọng lớn ở tài sản ngắn hạn, phản ánh khả năng thanh khoản tốt của Công ty. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn đạt khoảng 11,27 nghìn tỷ đồng, tăng 3,8 nghìn tỷ đồng (~51%), chủ yếu là các khoản đầu tư dài hạn.

- Nợ phải trả tại thời điểm cuối năm là 3,55 nghìn tỷ đồng, tăng so với năm trước nhưng vẫn chiếm tỷ trọng thấp trong tổng nguồn vốn. Vốn chủ sở hữu đạt 45,35 nghìn tỷ đồng, tăng 4,42 nghìn tỷ đồng (~11%), chủ yếu do lợi nhuận sau thuế được bổ sung vào nguồn vốn của Công ty. Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu ở mức khoảng 0,08 lần, cho thấy cơ cấu vốn của Công ty mẹ tiếp tục duy trì ở mức an toàn.

- Các chỉ tiêu thanh khoản của Công ty mẹ duy trì ở mức cao với hệ số thanh toán hiện hành khoảng 14,15 lần và hệ số thanh toán nhanh khoảng 10,57 lần. Mặc dù giảm so với năm trước, các chỉ tiêu này vẫn ở mức rất cao cho thấy Công ty mẹ có khả năng đáp ứng tốt các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn.

- **Hạn chế:** Giá trị trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty mẹ tiếp tục có xu hướng tăng. Tại thời điểm 31/12/2025, giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi đạt khoảng 26,49 nghìn tỷ đồng, tăng so với mức 23,61 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2024. Diễn biến này cho thấy rủi ro liên quan đến công tác

thu hồi công nợ vẫn cần được tiếp tục theo dõi, rà soát và có các biện pháp xử lý phù hợp nhằm hạn chế ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của Công ty.

• Các chỉ tiêu SXKD (đơn vị: nghìn tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	+/-	%
1	Tổng doanh thu	10,09	12,70	2,61	26%
1.1	DT BH&CCDV	2,75	3,49	0,74	27%
1.2	DT tài chính	7,34	9,21	1,87	25%
2	Tổng chi phí	7,41	5,37	-2,04	-28%
3	Lợi nhuận gộp	1,12	1,28	0,16	14%
4	LNTT	2,68	7,33	4,66	174%
5	LNST	2,15	6,70	4,55	212%
6	Tỷ suất LN gộp	40,9%	36,6%		
7	ROE	5,4%	15,5%		
8	ROA	5,0%	14,5%		

- Năm 2025, tổng doanh thu của Công ty đạt 12,70 nghìn tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2024; trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 3,49 nghìn tỷ đồng và doanh thu tài chính đạt 9,21 nghìn tỷ đồng, chủ yếu từ cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tại các công ty thị trường.

- Nhờ kiểm soát chi phí hiệu quả, giảm trích lập dự phòng nợ phải thu nên lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 7,33 nghìn tỷ đồng, tăng 174%, và lợi nhuận sau thuế đạt 6,70 nghìn tỷ đồng, tăng 212% so với năm 2024. Các chỉ tiêu hiệu quả tài chính được cải thiện rõ rệt với ROE khoảng 15,5% và ROA khoảng 14,5%.

Một số chỉ tiêu BCTC hợp nhất:

• Một số chỉ tiêu tài chính cụ thể (đơn vị: nghìn tỷ đồng).

STT	Chỉ tiêu	2024	2025	+/-	%
I	Bảng cân đối kế toán				
1	Tổng tài sản	63,44	81,51	18,1	28,5%
2	Tài sản ngắn hạn	48,68	58,02	9,3	19,2%
3	Tiền + DTTC ngắn hạn	36,86	45,06	8,2	22,2%
4	Tài sản dài hạn	14,76	23,49	8,7	59,2%
5	Nợ phải trả	27,61	38,67	11,1	40,1%
6	Nợ ngắn hạn	22,60	32,50	9,9	43,8%
7	Nợ dài hạn	5,01	6,17	1,2	23,3%
8	Vốn chủ sở hữu	35,83	42,84	7,0	19,6%
9	LNST chưa phân phối	2,28	9,13	6,8	299,8%
II	Báo cáo KQKD				
1	Tổng doanh thu	40,00	49,11	9,1	22,8%
2	Doanh thu thuần BH & CCDV	35,37	44,27	8,9	25,2%

STT	Chỉ tiêu	2024	2025	+/-	%
3	Tổng chi phí	29,74	34,44	4,7	15,8%
4	Lợi nhuận trước thuế	10,67	15,18	4,5	42,3%
5	Lợi nhuận sau thuế	7,17	11,25	4,1	56,8%
III	Các chỉ tiêu hiện quả				
1	Nợ / Tổng tài sản	0,44	0,47		
2	Vốn CSH / Tổng tài sản	0,56	0,53		
3	ROA	11,31%	15,5%		
4	ROE	20,02%	28,6%		
5	EBITDA margin	40,03%	42,79%		
6	Tỷ số thanh toán hiện hành	2,15	1,79		
7	Tỷ số thanh toán tức thời	1,63	1,39		

- Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản hợp nhất của Tổng Công ty đạt khoảng 81,51 nghìn tỷ đồng, tăng 18,1 nghìn tỷ đồng (~28,5%) so với cuối năm 2024. Trong cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn đạt 58,02 nghìn tỷ đồng, tăng 19,2%, trong đó tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn đạt 45,06 nghìn tỷ đồng, tăng 22,2%, cho thấy Tổng Công ty tiếp tục duy trì nguồn lực tài chính và khả năng thanh khoản tốt thể hiện ở tỷ số thanh toán tức thời duy trì lớn hơn 1. Tài sản dài hạn đạt 23,49 nghìn tỷ đồng, tăng 59,2%, trong đó tài sản cố định và tài sản dở dang tăng 39% phản ánh việc tiếp tục mở rộng đầu tư vào hạ tầng phục vụ SXKD.

- Nợ phải trả hợp nhất tại thời điểm cuối năm 2025 là 38,67 nghìn tỷ đồng, tăng 40,1% so với năm trước; trong đó nợ ngắn hạn đạt 32,50 nghìn tỷ đồng và nợ dài hạn đạt 6,17 nghìn tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu đạt 42,84 nghìn tỷ đồng, tăng 19,6%, chủ yếu do kết quả kinh doanh tích cực trong năm. Hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản ở mức 0,47, cho thấy cơ cấu nguồn vốn vẫn được duy trì ở mức an toàn.

- Các chỉ tiêu thanh khoản của Tổng Công ty tiếp tục duy trì ở mức tốt. Hệ số thanh toán hiện hành đạt 1,79 lần và tỷ số thanh toán tức thời đạt 1,39 lần. Mặc dù các chỉ tiêu này giảm so với năm 2024 do quy mô nợ ngắn hạn tăng cùng với việc mở rộng hoạt động đầu tư, nhưng vẫn ở mức an toàn, cho thấy Tổng Công ty có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn.

- Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty tiếp tục duy trì tăng trưởng tích cực. Tổng doanh thu đạt 49,11 nghìn tỷ đồng, tăng 22,8% so với năm 2024; trong đó doanh thu thuần BH & CCDV đạt 44,27 nghìn tỷ đồng, tăng 25,2%. Tổng chi phí đạt 34,44 nghìn tỷ đồng, tăng 15,8%, thấp hơn tốc độ tăng doanh thu. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế đạt 15,18 nghìn tỷ đồng, tăng 42,3%, và lợi nhuận sau thuế đạt 11,25 nghìn tỷ đồng, tăng 56,8% so với năm

2024. Các chỉ tiêu hiệu quả tiếp tục được cải thiện với ROA đạt khoảng 15,5%, ROE đạt khoảng 28,6%, và EBITDA margin đạt khoảng 42,79%, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản, vốn và hiệu quả vận hành của Tổng Công ty tiếp tục được nâng cao.

7. Thực hiện các nội dung đã được nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 phê duyệt:

Ban Kiểm soát đã theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Qua giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai các nhiệm vụ và chỉ tiêu sản xuất kinh doanh phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các nhiệm vụ trọng tâm đã được triển khai theo kế hoạch; một số nội dung liên quan đến hoạt động đầu tư, mở rộng thị trường và các điều kiện khách quan tại một số thị trường còn gặp khó khăn, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ thực hiện.

- Ban Kiểm soát ghi nhận Ban lãnh đạo Tổng Công ty đã chủ động rà soát, phân tích các nguyên nhân và có các giải pháp điều hành phù hợp nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và kiểm soát rủi ro trong quá trình triển khai các nhiệm vụ được giao.

- Ban Kiểm soát cũng đã giám sát hoạt động kiểm toán độc lập đối với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty. Công tác kiểm toán được thực hiện bởi Công ty kiểm toán độc lập theo đúng hợp đồng đã ký kết và tuân thủ các quy định hiện hành.

- Tổng Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

- Việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng quy định. Đối với Ban Kiểm soát, mức chi trả thù lao trong năm 2025 cao hơn so với kế hoạch đã được phê duyệt, phù hợp với các nội dung giải trình nêu trên.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách hoạt động.

- Ban Kiểm soát thực hiện chức năng giám sát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; tập trung nâng cao hiệu quả giám sát đối với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

- Trong năm 2026, Ban Kiểm soát xác định một số nhiệm vụ trọng tâm sau:
- Tăng cường hoạt động giám sát theo phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro; nâng mức độ đảm bảo của Tuyến 3 đối với các rủi ro trọng yếu của Tổng Công ty, đặc biệt các rủi ro liên quan đến sự cố mạng viễn thông nghiêm trọng, an toàn an ninh mạng và tuân thủ pháp lý đối với các dịch vụ tài chính số.
- Thực hiện các hoạt động giám sát chuyên đề nhằm đánh giá tính đầy đủ và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và các cơ chế kiểm soát trong hoạt động của Tổng Công ty.
- Tăng cường giám sát trực tiếp tại một số đơn vị, thị trường trọng điểm nhằm đánh giá hiệu quả quản trị, tình hình tài chính và việc sử dụng vốn đầu tư tại các công ty thành viên.
- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ giám sát thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ Tổng Công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho các thành viên Ban Kiểm soát nhằm nâng cao năng lực giám sát; đồng thời rà soát, hoàn thiện các quy định, quy trình phục vụ công tác giám sát.
- **Kế hoạch ngân sách hoạt động:** Tổng ngân sách dự kiến cho hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2026 là 869 triệu đồng, bao gồm các chi phí phục vụ hoạt động giám sát, đào tạo, công tác phí và các chi phí hoạt động khác theo quy định.

2. Kiến nghị của BKS

Trên cơ sở kết quả giám sát hoạt động quản trị, điều hành và tình hình tài chính của Tổng Công ty trong năm 2025, Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tiếp tục quan tâm chỉ đạo một số nội dung sau:

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro tài chính, đặc biệt đối với rủi ro tỷ giá phát sinh từ hoạt động đầu tư và kinh doanh tại các thị trường nước ngoài; chủ động triển khai các giải pháp phòng ngừa và kiểm soát nhằm hạn chế tác động bất lợi đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty.
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý công nợ và thu hồi các khoản phải thu tại các thị trường đầu tư; rà soát, đánh giá đầy đủ khả năng thu hồi các khoản công nợ, có biện pháp xử lý phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro phát sinh nợ xấu và hạn chế gia tăng chi phí dự phòng.

- Tăng cường giám sát hiệu quả các khoản đầu tư tại các công ty thị trường, bảo đảm việc sử dụng vốn đầu tư hiệu quả, kiểm soát chặt chẽ tiến độ hoàn vốn và khả năng tạo dòng tiền từ các dự án đầu tư.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, tăng cường áp dụng các công cụ quản trị và kiểm soát trong hoạt động điều hành nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả quản trị và khả năng ứng phó với các rủi ro phát sinh trong hoạt động đầu tư quốc tế.

- Chủ động đánh giá và chuẩn bị các phương án quản trị rủi ro đối với các thị trường có biến động về kinh tế, chính trị hoặc môi trường pháp lý, nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty được duy trì ổn định và bền vững.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT; BKS. Bắc10.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hoài Bắc



- Không phát sinh xung đột lợi ích với Tổng Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định về độc lập của tổ chức kiểm toán theo pháp luật hiện hành.

2. Tình hình lựa chọn đơn vị kiểm toán.

- Để đảm bảo tính minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán, Tổng Công ty đã thực hiện phát hành hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ kiểm toán theo quy định và quy chế nội bộ của Tổng Công ty.
- Trên cơ sở kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất đơn vị kiểm toán đáp ứng các tiêu chí chuyên môn, kinh nghiệm và chi phí hợp lý.
- Ban Kiểm soát sẽ thực hiện thẩm định độc lập đối với đơn vị được đề xuất. Kết quả thẩm định của Ban Kiểm soát sẽ được báo cáo để Hội đồng quản trị xem xét quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán theo thẩm quyền được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.

3. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung sau:

- Thông qua chủ trương lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty cho các năm tài chính 2026 và 2027.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập trên cơ sở kết quả đánh giá hồ sơ mời thầu và đề xuất của Tổng Giám đốc.
- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc tổ chức triển khai và ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho các năm tài chính 2026 và 2027 sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT; HĐQT; BCS10.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hoài Bắc

Phụ lục
DANH SÁCH CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐƯỢC CHẤP THUẬN NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty kiểm toán	Mã
1	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	#001
2	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	#002
3	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY)	#004
4	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC	#005
5	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	#006
6	Công ty TNHH KPMG	#007
7	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	#008
8	Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam	#009
9	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC	#010
10	Công ty TNHH Kiểm toán AS	#018
11	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam	#026
12	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)	#034
13	Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt	#037
14	Công ty TNHH Kiểm toán BDO	#038
15	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K	#045
16	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt	#055
17	Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam)	#068
18	Công ty TNHH Tư vấn - Kiểm toán S&S	#058
19	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt	#071
20	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)	#072
21	Công ty TNHH Kiểm toán FAC	#099
22	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY	#112
23	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt	#124

STT	Tên công ty kiểm toán	Mã
24	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam	#126
25	Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM	#137
26	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)	#142
27	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO	#149
28	Công ty TNHH Kiểm toán NVA	#152
29	Công ty TNHH Kiểm toán VACO	#156
30	Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM	#240
31	Công ty TNHH Kiểm toán Việt Tín	#256
32	Công ty TNHH Kiểm toán ES	#272
33	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế	#283
34	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG	#330
35	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AUD Việt Nam	#345

Số: 921 /TTr-VTG

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/v thông qua phương án phân chia lợi nhuận
và trích lập các quỹ năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (Tổng Công ty hoặc Viettel Global);

Căn cứ vào Quy chế Quản lý tài chính của Tổng Công ty;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025 như sau:

1. Phương án trích lập các quỹ và phân chia lợi nhuận năm 2025

- Trích quỹ:

- Trích 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện năm 2025 tương đương 1,3% LNST năm 2025 của Tổng Công ty mẹ làm quỹ khen thưởng phúc lợi, số tiền: 84,91 tỷ đồng;

- Trích 27% LNST năm 2025 của Tổng Công ty mẹ làm quỹ đầu tư phát triển: số tiền 1.776,35 tỷ đồng. Quỹ đầu tư phát triển sẽ được sử dụng để tiếp tục đầu tư vào các thị trường đang triển khai, dựa trên nhu cầu vốn của VTG.

- Chia cổ tức: Thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với số tiền **10.044,58 tỷ đồng** (tương ứng tỷ lệ trả cổ tức đạt 33%, mỗi cổ phiếu nhận được cổ tức 3.300 VND).

2. Bảng số liệu cụ thể:

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú
I	Lợi nhuận công ty mẹ		
1.1	LNST lũy kế đến đầu năm 2025	7.526.220.224.849	
1.2	LNST thực hiện năm 2025	6.702.969.435.179	
1.3	Phân phối lợi nhuận trong năm 2025	2.282.858.400.000	

1.4	LNST lũy kế đến cuối năm 2025	11.946.331.260.028	$(1.4) = (1.1) + (1.2) - (1.3)$
II	Trích lập các quỹ năm 2025	1.861.261.215.465	
2.1	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	1.776.354.830.201	27% LNST năm 2025
2.2	Trích Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi	84.906.385.264	1,3% LNST năm 2025
III	Lợi nhuận công ty mẹ còn lại sau khi trích lập các quỹ	10.085.070.044.563	$(III) = (1.4) - (II)$
IV	Chia cổ tức cho các cổ đông	10.044.576.960.000	
-	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	33%	
V	Lợi nhuận lũy kế giữ lại của Công ty mẹ sau chia cổ tức	40.493.084.563	$(V) = (III) - (IV)$

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, VPHĐQT, Quận 10.



Đại tá Đào Xuân Vũ



TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v cập nhật ngành nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính và sửa đổi Điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ("**Quyết định 36**");

Căn cứ Điều lệ hiện tại của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel ("**Tổng Công ty**" hoặc "**VTG**");

Căn cứ Tờ trình số 3660/TTr-PC của Phòng Pháp chế VTG về việc báo cáo hiện trạng và lộ trình điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty (cập nhật địa chỉ), được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 27/10/2025;

Căn cứ Tờ trình số 3994/TTr-PC của Phòng Pháp chế VTG về việc báo cáo hiện trạng và lộ trình điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty, được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 07/12/2025.

Hội đồng Quản trị ("**HDQT**") Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**DHĐCĐ**") về việc thông qua cập nhật ngành nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính và sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng Công ty, nội dung cụ thể như sau:

1. Về việc cập nhật ngành, nghề kinh doanh

Việc cập nhật ngành, nghề kinh doanh tại lần này chỉ mang tính chất cập nhật hành chính (do danh mục ngành, nghề kinh tế Việt Nam được điều chỉnh) và nhằm đồng bộ hóa thông tin giữa đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ, không làm thay đổi bản chất hoạt động của Tổng Công ty.

Do Quyết định 36 có hiệu lực từ ngày 15/11/2025, theo đó có sự thay đổi đối với Danh mục ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký của VTG (22 ngành, nghề) như tóm tắt dưới đây (chi tiết tại *Phụ lục đính kèm*):

- 14/22 ngành giữ nguyên (không thay đổi mã và nội dung);
- 03/22 ngành chỉ cập nhật diễn giải tên gọi (không thay đổi mã và nội dung);
- 05/22 ngành thay đổi mã số nhưng không thay đổi bản chất hoạt động;
- 01 ngành bổ sung mới theo phân loại của Quyết định 36.

Bên cạnh đó, đề xuất bổ sung 03 ngành, nghề kinh doanh so với danh mục ngành, nghề kinh doanh nêu tại Điều lệ VTG hiện hành (19 ngành, nghề), nhằm đồng bộ với danh mục ngành, nghề kinh doanh của VTG như hiện tại ghi nhận trên công thông tin đăng ký doanh nghiệp (22 ngành, nghề).

2. Về việc cập nhật địa chỉ trụ sở chính và số fax

Ngày 19/08/2025, Tổng Công ty đã ký Phụ lục sửa đổi số 5 của Hợp đồng cho thuê văn phòng số [3901-3916, 4001-4016], và chỉ còn thuê, sử dụng 01 tầng tại: Tầng 39, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6 KĐT mới Cầu Giấy, Phường Yên Hoà, Hà Nội (địa giới hành chính đã được cập nhật sau 01/7/2025). Địa chỉ trụ sở chính của VTG và số fax ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện tại chưa được cập nhật so với thực tế.

Do đó, để bảo đảm phù hợp với thực tế sử dụng văn phòng và việc thay đổi địa giới hành chính, đề xuất cập nhật thông tin đăng ký kinh doanh của VTG đối với địa chỉ trụ sở chính và số fax mới (chi tiết theo *Phụ lục đính kèm*).

3. Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty được ĐHĐCĐ thông qua sửa đổi ngày 05/6/2025, các nội dung cốt lõi về tổ chức, hoạt động Tổng Công ty vẫn được duy trì. Tuy nhiên, do một số thay đổi phát sinh trong nửa sau năm 2025 và đầu năm 2026 (văn bản quy phạm pháp luật mới, địa giới hành chính sắp xếp lại), nên việc cập nhật/sửa đổi Điều lệ (đã thuyết minh ở mục 2) là cần thiết.

Do vậy, HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét thông qua cập nhật thông tin ngành, nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính và sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng Công ty tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

4. Đề xuất của HĐQT

HĐQT Tổng Công ty kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét và thông qua cập nhật ngành, nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính và sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng Công ty (*chi tiết sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục đính kèm*).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Tổng Công ty;
- Lưu: VT; VPHĐQT. Quynh02.



Đại tá Đào Xuân Vũ

1987年5月25日

TỔNG HỢP CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VTG

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-VTG ngày / /2026 về việc cập nhật ngành nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính và sửa đổi Điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel)

STT	Mục/Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi								
1	Điều 1.1	"Luật Đầu tư" là Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;	"Luật Đầu tư" là Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025;	Cập nhật văn bản pháp luật đang có hiệu lực để bảo đảm tính đầy đủ và thuận tiện khi áp dụng, mặc dù Điều 1.2 và Điều 58 Điều lệ đã có quy định cơ chế dẫn chiếu, cho phép áp dụng các quy định pháp luật mới/ thay thế chưa được đề cập trong Điều lệ.								
3	Điều 2.4	- Địa chỉ: Tầng 39,40, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. - Fax: (+84) 24 6287 4932	- Địa chỉ: Tầng 39, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, Hà Nội. - Fax: (+84) 24 6256 8686	Như nêu tại mục 2 Tờ trình.								
7	Điều 4.2	<table><tr><th>STT</th><th>NGÀNH NGHỀ</th></tr><tr><td>1</td><td>4652 (Chính) - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán thiết bị điện, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin và thiết bị thu phát vô tuyến điện;</td></tr></table>	STT	NGÀNH NGHỀ	1	4652 (Chính) - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán thiết bị điện, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin và thiết bị thu phát vô tuyến điện;	<table><tr><th>STT</th><th>NGÀNH NGHỀ</th></tr><tr><td>1</td><td>4652 (Chính) - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán thiết bị điện, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin và thiết bị thu phát vô tuyến điện;</td></tr></table>	STT	NGÀNH NGHỀ	1	4652 (Chính) - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán thiết bị điện, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin và thiết bị thu phát vô tuyến điện;	Như nêu tại mục 1 Tờ trình.
STT	NGÀNH NGHỀ											
1	4652 (Chính) - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán thiết bị điện, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin và thiết bị thu phát vô tuyến điện;											
STT	NGÀNH NGHỀ											
1	4652 (Chính) - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán thiết bị điện, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin và thiết bị thu phát vô tuyến điện;											

2	3	7810 - Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	2	7810 - Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm	
		Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động, cung ứng lại lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép);		Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động, cung ứng lại lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép);	
		7830 - Cung ứng và quản lý nguồn lao động		7822 - Cung ứng nguồn nhân lực khác	
		Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; cho thuê lại lao động (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động, cung ứng lại lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép);		Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; cho thuê lại lao động (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động, cung ứng lại lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép);	
		7020 - Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)		7020 - Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);	
4	5	1629 - Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	5	1629 - Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	
		Chi tiết: Sản xuất, chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ (trừ loại gỗ Nhà nước cấm);		Chi tiết: Sản xuất, chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ (trừ loại gỗ Nhà nước cấm);	
5	6	4673 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	6	4673 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	

			Chi tiết: Sản xuất, chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ (trừ loại gỗ Nhà nước cấm);			Chi tiết: Mua bán gỗ và các sản phẩm từ gỗ;	
		6	4663 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán gỗ và các sản phẩm từ gỗ;		7	7821 - Cung ứng lao động tạm thời (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động, cung ứng lại lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép);	
		7	7820 - Cung ứng lao động tạm thời (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động, cung ứng lại lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép);		8	5229 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý tàu biển; - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu: Dịch vụ hỗ trợ đóng hòm, đóng thùng và bao gói hàng hóa để vận chuyển; - Môi giới thuê tàu biển, máy bay, phương tiện vận tải bộ; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần; - Hoạt động liên quan khác như lấy mẫu, cân hàng hoá...liên quan đến vận tải. - Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không, vận tải bộ, vận tải thủy nội địa;	
		8	5229 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý tàu biển; - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu: Dịch vụ hỗ trợ đóng hòm, đóng thùng và bao gói hàng hóa để vận chuyển; - Môi giới thuê tàu biển, máy bay, phương tiện vận tải bộ; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần; - Hoạt động liên quan khác như lấy mẫu, cân hàng hoá...liên quan đến vận tải. - Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không, vận tải bộ, vận tải thủy nội địa;		9	8532 - Đào tạo trung cấp Chi tiết: Đào tạo ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực bưu chính viễn thông (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);	

			trợ khác liên quan đến vận tải hàng không, vận tải bộ, vận tải thủy nội địa;				
		9	8532 - Đào tạo trung cấp Chi tiết: Đào tạo ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực bưu chính viễn thông (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);	10	7730 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển		
		10	7730 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	11	4773 - Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: Mua bán vàng, bạc, đá quý và các kim loại quý khác (không bao gồm kinh doanh vàng miếng);		
		11	4773 - Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán vàng, bạc, đá quý và các loại kim loại quý khác (không bao gồm kinh doanh vàng miếng);	12	7110 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát, lập dự án công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin (trừ khảo sát thiết kế công trình); - Dịch vụ quản lý dự án (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);		
		12	7110 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát, lập dự án công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin (trừ khảo sát thiết kế công trình); - Dịch vụ quản lý dự án (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);	13	5310 - Bưu chính		
		13	5310 - Bưu chính	14	6190 - Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Các dịch vụ viễn thông; - Phát triển các sản phẩm phần mềm trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, internet;		
		14	6190 - Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Các dịch vụ viễn thông; - Phát triển các sản phẩm phần mềm	15	2640 - Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa và mua bán thiết bị điện, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin và thiết bị thu phát vô tuyến điện;		
				16	8299 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu		

			trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, internet;			Chỉ tiết: - Môi giới xúc tiến đầu tư; - Xuất, nhập khẩu, ủy thác xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	
		15	2640 - Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng Chỉ tiết: Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa và mua bán thiết bị điện, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin và thiết bị thu phát vô tuyến điện;	17	4610 - Đại lý môi giới, đấu giá hàng hóa		
		16	8299 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ tiết: - Môi giới xúc tiến đầu tư; - Xuất, nhập khẩu, ủy thác xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	18	4632 - Bán buôn thực phẩm Chỉ tiết: Bán buôn cà phê;		
		17	4610 - Đại lý môi giới, đấu giá hàng hóa	19	4299 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chỉ tiết: Xây dựng công trình viễn thông, công nghệ thông tin, truyền tải điện;		
		18	4632 - Bán buôn thực phẩm Chỉ tiết: Bán buôn cà phê;	20	6120 - Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông và dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông		
		19	4299 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chỉ tiết: Xây dựng công trình viễn thông, công nghệ thông tin, truyền tải điện;	21	6310 - Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan		
				22	6290 - Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác Chỉ tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm		
				23	4620 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống		

Số: 924 /TTr-VTG

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/v chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Quốc tế Viettel.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ hiện tại của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel ("**Tổng Công ty**" hoặc "**VTG**");

Căn cứ tình hình hoạt động thực tiễn của Tổng Công ty.

Hội đồng Quản trị ("**HDQT**") xin được báo cáo kết quả thực hiện các hợp đồng, giao dịch đã thực hiện trong năm 2025, đề xuất các hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan trong năm 2026, 2027 như sau:

I. Báo cáo các Hợp đồng, giao dịch đã triển khai trong năm 2025 – 31/03/2026

Trong năm 2025 đến 31/03/2026, Tổng Công ty phát sinh các hợp đồng, giao dịch mua thiết bị, dịch vụ, giải pháp, bù trừ công nợ với các bên liên quan là các công ty có vốn góp của Tập đoàn Viettel (Công ty mẹ của Tổng Công ty) và các hợp đồng giao dịch bán vật tư, thiết bị, dịch vụ, phần mềm, giải pháp cho các bên liên quan là các Công ty có vốn góp của Tổng Công ty. Cụ thể: Đã được ký kết là 68 hợp đồng, trong đó 64 hợp đồng mua bán bằng USD với tổng giá trị là **83,993,638.7 USD** và 4 hợp đồng mua bán bằng VND với giá trị là **50.731.753.695 VND**.

Ngoài ra, trong năm 2025 đến 31/03/2026, đối với các Hợp đồng hợp đồng, giao dịch thường xuyên như chuyển phát thư; bưu phẩm; in ấn, vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ, dịch vụ, phần mềm phục vụ công việc, vận chuyển nội địa và quốc tế, bốc dỡ hàng hóa; thủ tục hải quan; thuê và quản lý kho bãi, dịch vụ truyền thông, quảng cáo, làm phim ... giá trị nhỏ (dưới 20 tỷ/giao dịch), Viettel Global được các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội cung cấp giá thành ưu đãi tổng cộng 64 Hợp đồng với tổng giá trị là **22,083,521,742 VND**.

Việc Tổng Công ty bán thiết bị vật tư, dịch vụ cho các Công ty con tại các thị trường nhằm đảm bảo chất lượng công nghệ của thiết bị, tương thích từ thiết kế



đền thi công lắp đặt và khai thác cũng như đáp ứng tốt yêu cầu chào mua của Công ty thị trường.

Khi Tổng Công ty mua thiết bị với số lượng lớn, đã đảm bảo được mức giá tốt khi bán cho các Công ty thị trường, ngoài ra việc mua và bán thiết bị cũng tạo cho Tổng Công ty một khoản doanh thu, lợi nhuận thương mại nhất định.

II. Báo cáo công tác bảo lãnh cho Công ty con, Công ty liên kết năm 2025 đến 31/03/2026.

Trong năm 2025 đến 31/03/2026, HĐQT đã thông qua chủ trương Tổng Công ty bảo lãnh cho:

- Công ty Viettel Tanzania Plc (Công ty con của Tổng Công ty tại nước Cộng hòa thống nhất Tanzania):

o Ký kết hợp đồng vay giá trị 20 triệu USD tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam, giá trị bảo lãnh là 20 triệu USD, thời hạn 7 năm kể từ ngày giải ngân. Đối với nội dung này, Công ty Viettel Tanzania đã thực hiện ký hợp đồng và giải ngân thành công khoản vay.

o Ký kết hợp đồng vay giá trị 30 triệu USD tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam, giá trị bảo lãnh là 30 triệu USD, thời hạn 1 năm kể từ ngày giải ngân. Đối với nội dung này, Công ty Viettel Tanzania đã thực hiện ký hợp đồng và giải ngân thành công khoản vay.

o Ký kết hợp đồng vay hợp vốn giá trị 100 triệu USD do Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam là đầu mối thu xếp, giá trị bảo lãnh là 100 triệu USD, thời hạn 7 năm kể từ ngày giải ngân. Đối với nội dung này, Công ty Viettel Tanzania đã thực hiện ký hợp đồng thành công khoản vay.

- Công ty Viettel Burundi S.A (Công ty con của Tổng Công ty tại nước Cộng hòa Burundi): ký kết hợp đồng vay giá trị 30 triệu USD tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, giá trị bảo lãnh tương đương 84,998% nghĩa vụ phải trả của bên được bảo lãnh, thời hạn 5 năm kể từ ngày giải ngân. Đối với nội dung này, Công ty Viettel Burundi đã thực hiện ký hợp đồng và giải ngân thành công khoản vay.

III. Đề xuất ký kết các hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan trong giai đoạn năm 2026 - 2027

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư mua sắm của các Công ty con tại các thị trường năm 2026 và dự báo kế hoạch đầu tư đầu năm 2027, Tổng Công ty tiếp tục tham gia cạnh tranh và cung cấp vật tư thiết bị, hàng hóa, hệ thống, phần mềm, giải pháp Công nghệ Thông tin (CNTT), dịch vụ hỗ trợ, tư vấn, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ quản lý cho các công ty này. Cụ thể:

1. Hợp đồng bán vật tư thiết bị, hàng hóa, hệ thống, phần mềm, giải pháp CNTT, dịch vụ hỗ trợ, tư vấn, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ quản lý.

1.1. Đơn vị mà Tổng Công ty thực hiện giao dịch.

- Công ty Viettel (Cambodia) Pte. Ltd. ("VTC").
- Công ty Star Telecom Co., Ltd. ("STL").
- Công ty Movitel SA. ("MVT").
- Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd. ("Mytel").
- Công ty National Telecom SA. ("NCM").
- Công ty Viettel Burundi S.A. ("VTB").
- Công ty Viettel Tanzania Limited. ("VTZ").
- Công ty Viettel Timor Leste Ltd. ("VTL").
- Công ty Viettel Peru SAC. ("VTP").
- Công ty Viettel America Corporation. ("VTA").
- Các Công ty do các Công ty nêu trên thành lập hoặc liên kết đầu tư.

Là các Công ty triển khai dự án tại nước ngoài, các Công ty con, Công ty liên kết của Công ty triển khai dự án tại nước ngoài do Tập đoàn, Tổng Công ty, hoặc Công ty triển khai dự án tại nước ngoài góp vốn đầu tư.

1.2. Giá trị hợp đồng của từng giao dịch tạm tính: Không vượt quá 5% tổng giá trị tài sản Tổng Công ty.

2. Hợp đồng mua vật tư thiết bị, hàng hóa, hệ thống, phần mềm, giải pháp CNTT, dịch vụ hỗ trợ, tư vấn, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ quản lý.

2.1. Đơn vị mà Tổng Công ty thực hiện giao dịch.

- Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel ("VMC").
- Công ty TNHH MTV Logistics Viettel ("Logistics Viettel").
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel ("Viettelimex").
- Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội. ("VHT").
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội ("VTT").
- Công ty TNHH Viettel – CHIT ("IDC").
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội ("VTS").
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel ("VTNet").
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội ("VDS").
- Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel ("VCC").
- Công ty TNHH MTV An ninh mạng Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội ("VCS").

- Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel ("Viettel Post")
- Công ty TNHH MTV truyền thông Viettel ("Viettel Media").
- Công ty TNHH MTV Thương mại điện tử Bưu chính Viettel ("Viettel Post- E Commerce").
- Công ty Đầu tư Công nghệ Viettel ("VTIT").
- Công ty Dịch vụ khách hàng Viettel ("VCX").
- Các Công ty do các Công ty nêu trên thành lập hoặc liên kết đầu tư.

Là các chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội hoặc Công ty mà Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội có khả năng chi phối hoạt động thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty.

2.2. Giá trị hợp đồng của từng giao dịch tạm tính: Không vượt quá 5% tổng giá trị tài sản Tổng Công ty.

3. Đề nghị thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng bảo lãnh cho các Công ty con/Công ty liên kết của Tổng Công ty

Kể từ thời điểm nghị quyết này được thông qua cho đến khi có nghị quyết thay thế, Tổng Công ty có thể phát sinh việc bảo lãnh cho các Công ty con/Công ty liên kết vay vốn. Do vậy, Hội đồng Quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua chủ trương cho phép Hội đồng Quản trị phê duyệt các giao dịch VTG bảo lãnh cho các Công ty con/Công ty liên kết đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật và các quy định quản trị nội bộ của Tổng Công ty, giá trị của từng giao dịch bảo lãnh không quá 10% giá trị tổng tài sản của VTG được ghi nhận trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

4. Các hợp đồng cung cấp dịch vụ ngoài các hợp đồng đã được đề cập ở mục 1 và 2

Ngoài các hợp đồng, giao dịch đề cập tại mục 2.1 và 2.2 của tờ trình này, trong hoạt động đầu tư và kinh doanh của Tổng Công ty có phát sinh nhiều hợp đồng, giao dịch thường xuyên như chuyển phát thư; bưu phẩm; in ấn, vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ, dịch vụ, phần mềm phục vụ công việc, mua quà tặng, vận chuyển nội địa và quốc tế, bốc dỡ hàng hóa; thủ tục hải quan; thuê và quản lý kho bãi, dịch vụ truyền thông, quảng cáo, làm phim... Viettel Global được các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Viễn thông Quân đội cung cấp giá thành ưu đãi; tuy nhiên do là đơn vị có liên quan với Tổng Công ty, theo Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, thẩm quyền chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa các đơn vị này với Tổng Công ty sẽ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT Tổng Công ty.

HĐQT kính đề nghị với các loại hợp đồng thuộc mục III.5 của Tờ trình này, ĐHĐCĐ giao cho Tổng Giám đốc thực hiện, với giá trị mỗi Hợp đồng không quá 20 tỷ VND/Hợp đồng; Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng Quy chế mua

sản của đơn vị, đảm bảo hiệu quả kinh tế, đảm bảo giá giao dịch phù hợp với các quy định của pháp luật về giao dịch liên kết. Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện báo cáo kết quả cho ĐHĐCĐ trong kỳ Đại hội thường niên năm sau.

IV. Đề xuất của Hội đồng Quản trị

Do các giao dịch mua, bán nêu trên có tính chất thường xuyên và đảm bảo tiến độ theo yêu cầu từng đợt đầu tư của các Công ty tại thị trường; đồng thời vẫn đảm bảo doanh thu và lợi nhuận cho Tổng Công ty, kính trình ĐHĐCĐ xem xét chấp thuận:

- Thông qua chủ trương thực hiện các giao dịch nêu trên với nguyên tắc:

(i) Đảm bảo phù hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, kế hoạch đầu tư mua sắm và chiến lược phát triển Tổng Công ty đã được phê duyệt;

(ii) Đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư mua sắm, quy định về quản lý hoạt động đầu tư, mua sắm nội bộ.

- Giao cho Tổng Giám đốc thực hiện tính toán, đánh giá các giao dịch nêu trên và báo cáo HĐQT, thông báo cho Ban Kiểm soát (trừ các loại hợp đồng thuộc mục III.5 của tờ trình này), đảm bảo nguyên tắc không có những thay đổi bất lợi cho Tổng Công ty, tuân thủ đúng thông lệ quốc tế, pháp luật Việt Nam và pháp luật các nước có Công ty yêu cầu cung cấp.

Tổng Công ty có trách nhiệm công bố thông tin giao dịch liên quan trên báo cáo quản trị nội bộ, trang thông tin điện tử của Tổng Công ty, trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và báo cáo lại ĐHĐCĐ kết quả thực hiện ký kết các hợp đồng, giao dịch phát sinh từ 01/04/2026 đến trước kỳ họp ĐHĐCĐ năm 2027 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2027.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét chấp thuận.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT: VPHĐQT, Quyển 10.



Đại tá Đào Xuân Vũ

Phụ lục 3
GIAO DỊCH THƯỜNG XUYÊN GIÁ TRỊ NHỎ (DƯỚI 20 TỶ) VỚI BÊN CÓ LIÊN QUAN

STT	Loại Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (VND)	Đối tác	Ngày ký
1	Hợp đồng dịch vụ (cước Leased Line)	595,320,000	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	01/01/2025
2	Hợp đồng mua điện thoại Iphone	39,439,000	Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel - Trung tâm Bán lẻ	24/02/2025
3	Hợp đồng vận chuyển	702,774,862	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	18/03/2025
4	Hợp đồng mua điện thoại Iphone	36,939,000	Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel - Trung tâm Bán lẻ	13/03/2025
5	Hợp đồng mua điện thoại Iphone	147,756,000	Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel - Trung tâm Bán lẻ	03/04/2025
6	Hợp đồng mua quà tặng	75,709,000	Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel - Trung tâm Bán lẻ	29/04/2025
7	Hợp đồng mua quà tặng	75,709,000	Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel - Trung tâm Bán lẻ	28/04/2025
8	Hợp đồng vận chuyển	320,004,892	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	02/05/2025
9	HỢP ĐỒNG TỔ CHỨC SỰ KIỆN "VIETTEL GLOBAL CEO SUMMIT 2025	2,839,816,800	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRUYỀN THÔNG VIETTEL	05/05/2025
10	Hợp đồng mua điện thoại Iphone	36,439,000	Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel - Trung tâm Bán lẻ	13/05/2025
11	Hợp đồng chuyển phát thư cô đồng 2025	211,164,855	Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel	13/05/2025
12	Hợp đồng vận chuyển	202,214,570	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	14/05/2025

STT	Loại Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (VND)	Đối tác	Ngày ký
13	Hợp đồng dịch vụ tổ chức sự kiện (dịch vụ thuê phòng nghỉ cho đại biểu tham gia Đại hội Đảng bộ Tổng Công ty Nhiệm kỳ 2025 - 2030)	61,261,920	CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN VIETTEL - CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIÊN THÔNG QUÂN ĐỘI	15/05/2025
14	Hợp đồng vận chuyển	110,150,873	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	23/05/2025
15	Hợp đồng vận chuyển	142,255,865	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	26/05/2025
16	Hợp đồng vận chuyển	2,091,143,228	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	29/05/2025
17	Hợp đồng vận chuyển	309,998,562	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	29/05/2025
18	Hợp đồng vận chuyển	545,707,834	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	06/06/2025
19	Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ Bưu chính	135,757,473	Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel	13/06/2025
20	Hợp đồng vận chuyển	122,385,023	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	20/06/2025
21	Hợp đồng vận chuyển	226,110,195	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	24/06/2025
22	Cung cấp dịch vụ đào tạo "Ứng dụng AI trong công việc" cho CBNV của TCT VTG	28,944,000	HỌC VIỆN VIETTEL - CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIÊN THÔNG QUÂN ĐỘI	30/06/2025
23	Hợp đồng mua điện thoại Iphone	143,960,000	Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel - Trung tâm Bán lẻ	02/07/2025
24	Hợp đồng mua điện thoại Iphone	107,970,000	Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel - Trung tâm Bán lẻ	05/07/2025
25	Hợp đồng vận chuyển	221,322,629	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	14/07/2025
26	Hợp đồng vận chuyển	242,258,021	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	28/07/2025

STT	Loại Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (VND)	Đối tác	Ngày ký
27	Hợp đồng vận chuyển	183,560,649	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	19/08/2025
28	Hợp đồng vận chuyển	297,345,356	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	25/08/2025
29	Hợp đồng vận chuyển	252,741,687	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	29/08/2025
30	Hợp đồng mua quà tặng	69,799,000	Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel - Trung tâm Bán lẻ	30/08/2025
31	Hợp đồng mua quà tặng	191,129,000	Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel - Trung tâm Bán lẻ	30/08/2025
32	Hợp đồng vận chuyển	164,552,946	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	04/09/2025
33	Hợp đồng vận chuyển	70,344,594	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	08/09/2025
34	Hợp đồng vận chuyển quà tặng Học sinh giỏi (Balo) theo Hợp đồng số KMA10786/VTPOST-HNI ngày 18/9/2025	24,840,000	Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel	18/09/2025
35	Hợp đồng chuyển phát nhanh quà tặng Trung thu 2025 cho con CBNV Tổng Công ty VTG	42,237,611	Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel	19/09/2025
36	Hợp đồng đào tạo cho CB lần đầu làm quản lý	670,201,020	HỌC VIỆN VIETTEL - CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỆN THÔNG QUÂN ĐỘI	01/10/2025
37	Hợp đồng đào tạo cho CB lần đầu làm quản lý	670,201,020	HỌC VIỆN VIETTEL - CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỆN THÔNG QUÂN ĐỘI	01/10/2025
38	Hợp đồng vận chuyển	431,885,924	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	11/10/2025
39	Hợp đồng vận chuyển	1,720,727,326	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	11/10/2025
40	Hợp đồng vận chuyển	365,307,094	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	12/10/2025

STT	Loại Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (VND)	Đối tác	Ngày ký
41	Hợp đồng vận chuyển	169,758,906	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	21/10/2025
42	Hợp đồng vận chuyển	83,472,990	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	01/11/2025
43	Hợp đồng vận chuyển	277,493,667	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	07/11/2025
44	HĐ VCONTRACT	42,701,000	Chi nhánh Viettel Hà Nội	13/11/2025
45	Hợp đồng mua điện thoại Iphone	141,539,000	Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel - Trung tâm Bán lẻ	18/11/2025
46	Hợp đồng mua điện thoại Iphone	133,170,000	Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel - Trung tâm Bán lẻ	27/11/2025
47	Hợp đồng vận chuyển	397,070,934	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	30/11/2025
48	Hợp đồng vận chuyển	474,118,812	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	30/11/2025
49	Hợp đồng vận chuyển	278,217,733	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	30/11/2025
50	Hợp đồng vận chuyển	463,396,722	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	30/11/2025
51	Hợp đồng vận chuyển	612,415,944	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	01/12/2025
52	Hợp đồng vận chuyển	753,493,113	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	01/12/2025
53	Hợp đồng vận chuyển	88,117,045	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	02/12/2025
54	Hợp đồng vận chuyển	42,861,586	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	05/12/2025
55	Hợp đồng vận chuyển	22,599,003	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	12/12/2025
56	Hợp đồng vận chuyển	206,410,896	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	16/12/2025
57	Hợp đồng vận chuyển	530,446,940	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	20/12/2025

STT	Loại Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (VND)	Đối tác	Ngày ký
58	Hợp đồng vận chuyển	308,268,684	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	20/12/2025
59	Hợp đồng vận chuyển	545,707,834	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	21/12/2025
60	Hợp đồng chuyển tiền quà tặng và chuyển phát nhanh quà cho người thân CBNV Tổng Công ty VTG	1,161,330,000	Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel	27/01/2026
61	Hợp đồng vận chuyển	51,462,286	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	28/01/2026
62	Hợp đồng dịch vụ đào tạo Quản lý dự án	233,328,600	Học viện Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	27/02/2026
63	Hợp đồng vận chuyển	69,089,477	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	30/03/2026
64	Hợp đồng vận chuyển	69,664,741	Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	30/03/2026
TỔNG CỘNG		22,083,521,742		

Phụ lục 2
DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA TỔNG CÔNG TY

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
1.	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội			0100109106 do Sở KHĐT Hà Nội, cấp đăng ký lần đầu 13/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 15 05/12/2019	Lô D26 KĐT M Cầu Giấy, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam				Công ty Mẹ
1.1	Ông Tào Đức Thắng								Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty Mẹ
1.2	Ông Nguyễn Đình Chiến								Phó Tổng Giám đốc Công ty Mẹ
1.3	Ông Đỗ Minh Phương								Phó Tổng Giám đốc Công ty Mẹ

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
1.4	Ông Đào Xuân Vũ								Phó Tổng Giám đốc Công ty Mẹ
1.5	Ông Cao Anh Sơn								Phó Tổng Giám đốc Công ty Mẹ
1.6	Ông Nguyễn Đạt								Phó Tổng Giám đốc Công ty Mẹ
1.7	Ông Nguyễn Vũ Hà					09/2025			Phó Tổng Giám đốc Công ty Mẹ
1.8	Ông Vũ Tuấn Anh					09/2025			Phó Tổng Giám đốc Công ty Mẹ
1.9	Bà Nguyễn Thúy Linh					08/2025			Kế toán trưởng Công ty Mẹ
1.10	Bà Đào Thúy Hương						08/2025		Kế toán trưởng Công ty Mẹ

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH ⁺ , ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
2.	Ông Đào Xuân Vũ		Chủ tịch HĐQT			27/04/2023			Người nội bộ
3.	Ông Phùng Văn Cường		Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc			16/09/2022	- 06/02/2025 Lý do: Không còn là TGD do thay đổi công tác - 05/6/2025 Lý do: Thông qua đơn từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ		Người nội bộ
4.	Ông Nguyễn Đức Quang		Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc			24/06/2021			Người nội bộ
5.	Ông Nguyễn Cao Lợi		Thành viên HĐQT kiêm Phó			16/07/2018			Người nội bộ

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
			Tổng Giám đốc						
6.	Ông Lê Xuân Hùng		Thành viên HĐQT			25/06/2021	- 05/6/2025 Lý do: Thông qua đơn từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ		Người nội bộ
7.	Bà Nguyễn Thị Hoa		Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc			27/04/2023			Người nội bộ
8.	Bà Đoàn Thị Thu Nga		Thành viên HĐQT			05/06/2025		Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Người nội bộ

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH ⁺ , ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
9.	Ông Hoàng Văn Ngọc		Thành viên HĐQT			05/06/2025		Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Người nội bộ
10.	Ông Vũ Sỹ Mạnh		Thành viên HĐQT			05/06/2025		Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Người nội bộ
11.	Lê Quang Tiệp		Trưởng BKS			15/06/2018	- 05/6/2025 Lý do: Thông qua đơn từ nhiệm chức vụ Trưởng BKS tại ĐHĐCĐ		Người nội bộ
12.	Nguyễn Hoài Bắc		Trưởng BKS			29/05/2020			Người nội bộ
13.	Quản Thị Thu Hà		Thành viên BKS			15/06/2018			Người nội bộ

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
14.	Bùi Văn Thảo		Thành viên BKS			27/04/2023			Người nội bộ
15.	Nguyễn Thị Tâm		Phó Tổng Giám đốc			01/01/2025			Người nội bộ
16.	Hà Thế Dương		Phó Tổng Giám đốc			04/07/2019			Người nội bộ
17.	Trương Bạch Dương		Kế toán trưởng			26/04/2023			Người nội bộ
18.	Đàm Minh Toàn		Người phụ trách quản trị công ty kiêm người được ủy quyền công bố thông tin			07/06/2018			Người nội bộ
19.	Công ty Viettel			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số	CBD Plaza II Rua Presidente, Nicolau	2012			Công ty con

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
	Timor., Unipessoal Lda			556/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 04/06/2011	Lobato, Cóm, Đông Timor				
20.	Công ty Telemor Fintech Unip Lda				Av. Pridente Nicolau Lobato, Timor Plaza, Behonuk, Dom Aleixo, Díli, Timor - Leste	2018			Công ty con của Công ty Viettel Timor., Unipessoal Lda
21.	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompenh, Campuchia	2009			Công ty con
22.	Công ty eMoney Payment Solution PLC					2018			Công ty con của Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
23.	Công ty Movitel, S.A.			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 404/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 11/11/2010	Bairro da Sommerchield, số 6 đường Dr. Francisco Barreto, thành phố Maputo, Mozambique	2010			Công ty con/ <i>Subsidiary</i>
24.	Công ty M-Mola/ <i>M-Mola Company</i>				Mozambique, Maputo City, Urban District 1 Av. Guera Popular, số 2080 Maputo, Mozambique	2016			Công ty con của Công ty Movitel, S.A.
25.	Công ty Viettel Cameroon S.A			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 585/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 18/01/2013	Thủ đô Yaounde, Cameroon	2013			Công ty con
26.	Công ty Viettel			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 690/BKHĐT-ĐTRNN	Số 24, Avenue de L'Oua, Quartier Industriel, Ngagara,	2014			Công ty con

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
	Burundi S.A			do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 26/03/2014	Bujumbura-Marie, Cộng hòa Bu-run-đi				
27.	Công ty vi Lumitel					2017			Công ty con của Công ty Viettel Burundi S.A
28.	Công ty Viettel Tanzania			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 689/BKHĐT-DTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 24/03/2014	Plot No. 145, Regent Estate, Migombani street, Mikocheni, Post box 110230, Dar es Salaam, Cộng hòa Thống nhất Tan-da-ni-a	2014			Công ty con
29.	Công ty Halopesa					2016			Công ty con của Công ty Viettel Tanzania

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
30.	Công ty Star Telecom Co., Ltd			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 27/02/2008	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha, thành phố Vientiane, CHDCND Lào	2008			Người có liên quan theo điểm b, khoản 46, Luật chứng khoán
31.	Công ty Star Fintech Co., Ltd					2019			Công ty con của Công ty Star Telecom Co., Ltd
32.	Công ty TNHH Myanmar National Tele& Communications			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 201600255 do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 16/12/2016	Phố The Corner of Pantra và đường U Wizara, thị trấn Dagon, Yangon, Myanmar	2016			Người có liên quan theo điểm b, khoản 46, Luật chứng khoán
33.	Công ty Mytel Wallet					2017			Công ty con của Công ty Telecom

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
	International Myanmar Company Limited								International Myanmar Co.,Ltd
34.	Công ty National Telecom S.A			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	2010			Công ty con
35.	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel			0500141369 do Sở KHĐT Hà Nội cấp	Thôn An Bình, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2010			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
36.	Công ty TNHH MTV Truyền			0111013646 do Sở Tài chính Hà Nội cấp	Tầng 4, Tòa nhà The Light, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội	2025			

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
	thông Viettel								
37.	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Dịch vụ tài chính số Viettel			0111332321 do Sở Tài chính Hà Nội cấp	Tầng 44-45, Tòa nhà Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội	2026			
38.	Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel			0104831030 KHĐT Hà Nội cấp	Số 01, phố Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	2006			
39.	Công ty TNHH MTV An			0110939642 do Sở Tài chính Hà Nội cấp	Tầng 41-43, Tòa nhà Keangnam Landmark 72, đường	2025			

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
	ninh mạng Viettel				Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, TP Hà Nội				
40.	Công ty TNHH MTV Đầu tư Công nghệ Viettel			2801045888 do Sở KHĐT Thanh Hóa cấp	Nam Đại lộ Lê Lợi, P. Đông Hương, Tp Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá	11/05/2009			
41.	Công ty TNHH MTV Thể thao Viettel			0110602871 do Sở Tài chính Hà Nội cấp	Số 01 đường Trần Hữu Dực, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	2024			
42.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khách hàng Viettel			0110917293 do Sở Tài chính Hà Nội cấp	Số 1 Giang Văn Minh, Ba Đình, Tp Hà Nội	2024			
43.	Công ty Viettel America			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 620 do	1551 MCCARTHY BLVD STE 210,	2013			

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH ^a , ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
				Bộ KHĐT Việt Nam cấp	Milpitas, CA, 95035, U.S				
44.	Công ty VTE Technologies SARL			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 201500006 do Bộ KHĐT Việt Nam cấp	13 phố TAITBOUT 75009 PARIS, Pháp	2015			
45.	Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel			0104093672 do KHĐT Hà Nội cấp	Số 1, phố Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2009			
46.	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel			0310783329 do Sở Tài chính Tp Hồ Chí Minh cấp	306 Lý Thường Kiệt, Tp Hồ Chí Minh	18/4/2011			
47.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương			0105269946 do Sở Tài chính Hà Nội cấp	Tòa nhà N2, Km số 2, Đại lộ Thăng Long, Mỹ Trì, Hà Nội	20/4/2011			

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
	mại Viettelpost								
48.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ kho vận Viettel			0105299429 do Sở Tài chính Hà Nội cấp	Số 1 Giang Văn Minh, Ba Đình, Tp Hà Nội	09/5/2011			
49.	Công ty TNHH MTV VTP Myanmar			GCN đầu tư ra nước ngoài số 201700342 do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 20/06/2017	Số 442/426, Phòng #08-01, #08-02, Góc đường Strand và Botahtaung Pagoda, thị trấn Botahtaung, vùng Yangon, Myanmar	04/4/2017			
50.	Công ty TNHH MTV Viettel Logistics Cambodia			GCN đầu tư ra nước ngoài số 264 do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 04/08/2009	BB05 St. 101, Sangkat Boeng Trabek, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	15/7/2010			

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
51.	Công ty TNHH MTV Viettel Post Lào			GCN đầu tư ra nước ngoài số 202401349 do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 13/11/2024	Bản Phonsinun, đường Tad Mai, quận Sisattanak, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	09/4/2024			
52.	Tổng Công ty CP Công trình Viettel			0104753865 do KHĐT Hà Nội cấp	Số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	2010			
53.	Viettel Construction Myanmar Co.,Ltd			GCN đầu tư ra nước ngoài số 201500034 do Bộ Tài chính cấp ngày 30/06/2015	Số (39), đường Inya Myaing, phường Golden Valley (1), quận Bahan, Yangon Myanmar	2015			
54.	Công ty TNHH Viettel – CHT			0500589150 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp	Khu TT, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29, Đại lộ Thăng Long, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch	2008			

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
					Thất, Thành phố Hà Nội				
55.	Công ty CP Tư vấn và dịch vụ Viettel			0100109106-075 do Sở Tài chính Hà Nội cấp	Số 1 Giang Văn Minh, Ba Đình, Tp Hà Nội	2010			
56.	Công ty CP Giao thông số Việt Nam			0109266456 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp	Số 01 đường Trần Hữu Dực, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	2020			
57.	Công ty CP Xi măng Cẩm Phá			5700804196 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Ninh cấp	Km 6, Quốc lộ 18A, Phường Cẩm Thạch, Thành phố Cẩm Phá, Tỉnh Quảng Ninh	2013			

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
58.	Công ty Viettel Peru			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 433 do Bộ KHĐT Việt Nam cấp	Thành phố Lima, tỉnh Lima, Cộng Hòa Peru	2014			
59.	Công ty Viettel Russia			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 201700343 do Bộ KHĐT Việt Nam cấp	Phòng 11-13, Khu I, tầng 2, CTR B, Nhà 11 Masha Poryvayeva, Moscow, Liên Bang Nga, 107996	2017			
60.	Tổng Công ty Viễn thông Viettel			- 0100109106-011 - Ngày cấp: 14/09/2005 - Nơi cấp: Sở KHĐT Hà Nội	Số 1, Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội	2008			
61.	Tổng Công ty Mạng lưới Viettel			- 0100109106-012 - Ngày cấp: 18/07/2005 - Nơi cấp: Sở KHĐT Hà Nội	Số 1 Trần Hữu Dực, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	2008			

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
62.	Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel			- 0100109106-476 - Ngày cấp: 26/09/2018 - Nơi cấp: Sở KHĐT Hà Nội	Số 1 Trần Hữu Dục, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	2018			
63.	Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel			- 0100109106-477 - Ngày cấp: 14/01/2019 - Nơi cấp: Sở KHĐT Hà Nội	Số 380 Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Hà Nội	2019			
64.	Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel			- 0100109106-478 - Ngày cấp: 06/06/2019 - Nơi cấp: Sở KHĐT Hà Nội	Số 1, Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội	2019			
65.	Viện Hàng không Vũ trụ Viettel			- 0100109106-473 - Ngày cấp: 16/04/2022 - Nơi cấp: Sở KHĐT Hà Nội	Số 1 Trần Hữu Dục, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	2022			

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
66.	Công ty Quản lý tài sản Viettel			- 0100109106-160 - Ngày cấp: 22/03/2010 - Nơi cấp: Sở KHĐT Hà Nội	Tầng 2, Tháp A, Tòa nhà The Light, đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	2010			
67.	Học viện Viettel			- 0100109106-310 - Ngày cấp: 22/04/2011 - Nơi cấp: Sở KHĐT Hà Nội	Thôn 6, Xã Thạch Hòa, Huyện Thạch Thất, Hà Nội	2011			
68.	Trung tâm Dịch vụ dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo Viettel			- 0100109106-520 - Ngày cấp: 29/11/2023	Lô D26 Khu Đô Thị Mới Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2023			
69.	Trung tâm Công nghệ thông tin Viettel			- 0100109106-522 - Ngày cấp: 10/09/2024	Lô D26 Khu Đô Thị Mới Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2024			

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Công ty
70.	Trung tâm Dịch vụ dùng chung			- 0100109106-521 - Ngày cấp: 10/09/2024	Lô D26 Khu Đô Thị Mới Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2024			
71.	Trung tâm Bán dẫn Viettel			- 0100109106-523 - Ngày cấp: 08/05/2025	Lô D26 Khu Đô Thị Mới Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2025			

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

Phụ lục 1

DANH SÁCH HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA TỔNG CÔNG TY

I – Hợp đồng giao dịch bằng VNĐ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCB/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng	Giá trị hợp đồng
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel	Người liên quan	0500141369 do Sở KHĐT Hà Nội cấp	Thôn An Bình, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tháng 1	04/NQ-HĐQT 13/01/2025	Hợp đồng mua Thiết bị antenna	10.387.716.454 VNĐ
2	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất thiết bị Viettel	Người liên quan	0500141369 do Sở KHĐT Hà Nội cấp	Thôn An Bình, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tháng 4	32/NQ-HĐQT 28/4/2025	Hợp đồng mua Thiết bị antenna	10.221.332.297 VNĐ
3	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	Người liên quan	0310783329 do Sở KHĐT Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/04/2011	306 Lý Thường Kiệt, P.6, Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh	Tháng 4	33/NQ-HĐQT 28/4/2025	Hợp đồng mua dịch vụ Logistic	21.058.360.612 VNĐ
4	Tổng Công ty CP Công trình Viettel	Người liên quan	0104753865 do KHĐT Hà Nội cấp	Số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Tháng 7	56/NQ-HĐQT 15/7/2025	Hợp đồng mua dịch vụ giám sát đầu tư tại Tanzania	9.064.344.332 VNĐ
TỔNG								50.731.753.695 VNĐ

Giải chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

II – Hợp đồng giao dịch bằng USD:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH ^a , ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCB/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng	Giá trị hợp đồng
1	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompenh, Campuchia	Tháng 1	01/NQ-HĐQT 01/01/2025	Ký kết hợp đồng quản lý dự án với VTC	6,120,000.00 USD
2	Công ty Viettel Burundi S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 690/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 26/03/2014	Số 24, Avenue de L'Oua, Quartier Industriel, Ngagara, Bujimbura-Marie, Cộng hòa Bu-run-di	Tháng 1	02/NQ-HĐQT 01/01/2025	Ký kết hợp đồng quản lý dự án với VTB	2,644,701.18 USD
3	Công ty Viettel Tanzania	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 689/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 24/03/2014	Plot No. 145, Regent Estate, Migombani street, Mikocheni, Post box 110230, Dar es Salaam, Cộng hòa Thống nhất Tan-da-ni-a	Tháng 1	03/NQ-HĐQT 01/01/2025	Ký kết hợp đồng quản lý dự án với VTZ	2,677,376.47 USD
4	Công ty Star Telecom Co., Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 27/02/2008	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha, thành phố Vientiane, CHDCND Lào	Tháng 1	04/NQ-HĐQT 13/01/2025	Hợp đồng bán Thiết bị antenna	292,000.00 USD
5	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 1	04/NQ-HĐQT 13/01/2025	Hợp đồng bán Thiết bị antenna	392,430.00 USD
6	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 3	24/NQ-HĐQT 19/3/2025	Hợp đồng bán Thiết bị DWDM	632,727.00 USD

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCB/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng	Giá trị hợp đồng
7	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 3	24/NQ-HĐQT 19/3/2025	Hợp đồng bán Thiết bị CNTT	363,602.00 USD
8	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 3	24/NQ-HĐQT 19/3/2025	Hợp đồng bán Thiết bị CORE	864,261.00 USD
9	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompenh, Campuchia	Tháng 4	31/NQ-HĐQT 16/4/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Metro Cisco	5,191,278.00 USD
10	Công ty Movitel, S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 404/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 11/11/2010	Bairro da Sommerchield, số 6 đường Dr. Francisco Barreto, thành phố Maputo, Mozambique	Tháng 4	31/NQ-HĐQT 16/4/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Metro Juniper	1,208,337.00 USD
11	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompenh, Campuchia	Tháng 4	32/NQ-HĐQT 28/4/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Antenna	2,149,639.79 USD
12	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompenh, Campuchia	Tháng 4	32/NQ-HĐQT 28/4/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Antenna	316,704.00 USD
13	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompenh, Campuchia	Tháng 4	32/NQ-HĐQT 28/4/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Vô tuyến	10,464,657.19 USD
14	Công ty Star	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha,	Tháng 4	32/NQ-HĐQT 28/4/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Anten 8 port + 4 port	102,120.52 USD

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCB/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng	Giá trị hợp đồng
	Telecom Co., Ltd		Nam cấp Hà Nội cấp ngày 27/02/2008	thành phố Vientiane, CHDCND Lào				
15	Công ty Star Telecom Co., Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 27/02/2008	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha, thành phố Vientiane, CHDCND Lào	Tháng 4	32/NQ-HĐQT 28/4/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Anten 12 port	151,823.79 USD
16	Công ty Star Telecom Co., Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 27/02/2008	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha, thành phố Vientiane, CHDCND Lào	Tháng 4	32/NQ-HĐQT 28/4/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Anten 8 port	64,960.31 USD
17	Công ty Star Telecom Co., Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 27/02/2008	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha, thành phố Vientiane, CHDCND Lào	Tháng 4	32/NQ-HĐQT 28/4/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Jumper	16,425.94 USD
18	Công ty Star Telecom Co., Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 27/02/2008	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha, thành phố Vientiane, CHDCND Lào	Tháng 4	32/NQ-HĐQT 28/4/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Jumper	53,005.93 USD
19	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 4	32/NQ-HĐQT 28/4/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Anten 12 port	126,526.00 USD
20	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 4	32/NQ-HĐQT 28/4/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Anten 12 port	84,350.00 USD

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCB/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng	Giá trị hợp đồng
21	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompennh, Campuchia	Tháng 5	36/NQ-HĐQT 07/5/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Core	3,444,000.00 USD
22	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompennh, Campuchia	Tháng 5	36/NQ-HĐQT 07/5/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Bình acquy lithium 48V 100Ah	2,184,120.00 USD
23	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 5	37/NQ-HĐQT 12/5/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Vô tuyến	281,000.00 USD
24	Công ty Star Telecom Co., Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 27/02/2008	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha, thành phố Vientiane, CHDCND Lào	Tháng 5	37/NQ-HĐQT 12/5/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Vô tuyến Pha 1	971,400.00 USD
25	Công ty Star Telecom Co., Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 27/02/2008	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha, thành phố Vientiane, CHDCND Lào	Tháng 5	37/NQ-HĐQT 12/5/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Vô tuyến Pha 2	1,534,000.00 USD
26	Công ty Star Telecom Co., Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 27/02/2008	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha, thành phố Vientiane, CHDCND Lào	Tháng 5	37/NQ-HĐQT 12/5/2025	Hợp đồng bán Thiết bị License Vô tuyến	120,000.00 USD
27	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 5	38/NQ-HĐQT 12/5/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Vô tuyến Pha 1	4,719,000.00 USD

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng	Giá trị hợp đồng
28	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 5	38/NQ-HĐQT 12/5/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Vô tuyến Pha 2	2,866,000.00 USD
29	Công ty Star Telecom Co., Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 27/02/2008	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha, thành phố Vientiane, CHDCND Lào	Tháng 5	38/NQ-HĐQT 12/5/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Vô tuyến Pha 1	487,200.00 USD
30	Công ty Star Telecom Co., Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 27/02/2008	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha, thành phố Vientiane, CHDCND Lào	Tháng 5	38/NQ-HĐQT 12/5/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Vô tuyến Pha 2	1,010,000.00 USD
31	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 5	41/NQ-HĐQT 29/5/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Vô tuyến Pha 1	436,800.00 USD
32	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 5	41/NQ-HĐQT 29/5/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Vô tuyến Pha 2	1,389,500.00 USD
33	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompenh, Campuchia	Tháng 6	42/NQ-HĐQT 29/5/2025	Hợp đồng bán Thiết bị CNTT	548,589.00 USD
34	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompenh, Campuchia	Tháng 6	42/NQ-HĐQT 29/5/2025	Hợp đồng bán Thiết bị IPCORE	890,630.00 USD

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCB/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng	Giá trị hợp đồng
35	Công ty Movitel, S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 404/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 11/11/2010	Bairro da Sommerchield, số 6 đường Dr. Francisco Barreto, thành phố Maputo, Mozambique	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị máy chủ quan trọng + Thiết bị SAN Switch	441,352.00 USD
36	Công ty Movitel, S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 404/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 11/11/2010	Bairro da Sommerchield, số 6 đường Dr. Francisco Barreto, thành phố Maputo, Mozambique	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị máy chủ cho hệ thống phổ thông	183,718.00 USD
37	Công ty Movitel, S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 404/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 11/11/2010	Bairro da Sommerchield, số 6 đường Dr. Francisco Barreto, thành phố Maputo, Mozambique	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị máy chủ quan trọng + Phụ kiện lắp đặt	651,120.00 USD
38	Công ty Movitel, S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 404/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 11/11/2010	Bairro da Sommerchield, số 6 đường Dr. Francisco Barreto, thành phố Maputo, Mozambique	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Lưu trữ và Giải pháp Object	393,668.00 USD
39	Công ty M-Mola	Công ty con của Công ty Movitel, S.A		Bairro da Sommerchield, số 6 đường Dr. Francisco Barreto, thành phố Maputo, Mozambique	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị máy chủ quan trọng + Thiết bị SAN Switch	1,089,075.00 USD
40	Công ty M-Mola	Công ty con của Công ty Movitel, S.A		Bairro da Sommerchield, số 6 đường Dr. Francisco Barreto, thành phố Maputo, Mozambique	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị máy chủ cho hệ thống phổ thông	282,963.00 USD

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng	Giá trị hợp đồng
41	Công ty M-Mola	Công ty con của Công ty Movitel, S.A		Bairro da Sommerchield, số 6 đường Dr. Francisco Barreto, thành phố Maputo, Mozambique	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị máy chủ quan trọng + Phụ kiện lắp đặt	25,745.00 USD
42	Công ty M-Mola	Công ty con của Công ty Movitel, S.A		Bairro da Sommerchield, số 6 đường Dr. Francisco Barreto, thành phố Maputo, Mozambique	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Lưu trữ và Giải pháp Object	603,384.00 USD
43	Công ty M-Mola	Công ty con của Công ty Movitel, S.A		Bairro da Sommerchield, số 6 đường Dr. Francisco Barreto, thành phố Maputo, Mozambique	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị chuyển mạch	135,345.00 USD
44	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị máy chủ quan trọng + Thiết bị SAN Switch	1,139,892.00 USD
45	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị máy chủ cho hệ thống phổ thông	300,692.00 USD
46	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị máy chủ quan trọng + Phụ kiện lắp đặt	59,952.00 USD

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng	Giá trị hợp đồng
47	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Pho Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Lưu trữ và Giải pháp Object	312,196.00 USD
48	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompenh, Campuchia	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị máy chủ quan trọng + Thiết bị SAN Switch	423,803.00 USD
49	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompenh, Campuchia	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị máy chủ cho hệ thống phổ thông	526,005.00 USD
50	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompenh, Campuchia	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị máy chủ quan trọng + Phụ kiện lắp đặt	29,268.00 USD
51	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompenh, Campuchia	Tháng 6	45/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Lưu trữ và Giải pháp Object	255,831.00 USD
52	Công ty Movitel, S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 404/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 11/11/2010	Bairro da Sommerchield, số 6 đường Dr. Francisco Barreto, thành phố Maputo, Mozambique	Tháng 6	46/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Metro Juniper	4,260,352.00 USD
53	Công ty Viettel	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun	Tháng 6	46/NQ-HĐQT 10/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Metro Juniper	2,150,070.00 USD

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng	Giá trị hợp đồng
	Cambodia Pte.Ltd		DTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Penh, Phnompennh, Campuchia				
54	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-DTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompennh, Campuchia	Tháng 6	50/NQ-HĐQT 25/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị Vô tuyến	3,022,828.00 USD
55	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-DTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompennh, Campuchia	Tháng 6	51/NQ-HĐQT 25/6/2025	Hợp đồng bán Thiết bị bình acquy lithium 48V 100Ah	2,526,120.00 USD
56	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-DTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompennh, Campuchia	Tháng 7	61/NQ-HĐQT 24/7/2025	Hợp đồng bán thiết bị Metro Cisco	332,111.00 USD
57	Công ty Star Telecom Co., Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-DTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 27/02/2008	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha, thành phố Vientiane, CHDCND Lào	Tháng 8	69/NQ-HĐQT 27/8/2025	Hợp đồng bán thiết bị vô tuyến Huawei Pha 2	1,534,000.00 USD
58	Công ty Star Telecom Co., Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-DTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 27/02/2008	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha, thành phố Vientiane, CHDCND Lào	Tháng 8	69/NQ-HĐQT 27/8/2025	Hợp đồng bán thiết bị vô tuyến ZTE Pha 2	1,010,000.00 USD
59	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-DTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompennh, Campuchia	Tháng 9	72/NQ-HĐQT 12/9/2025	Hợp đồng bán thiết bị máy phát điện xăng	2,384,986.00 USD
60	Công ty Movitel, S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 404/BKHĐT-DTRNN do Bộ KHĐT Việt	Bairro da Sommerchield, số 6 đường Dr. Francisco Barreto, thành phố Maputo, Mozambique	Tháng 10	77/NQ-HĐQT 06/10/2025	Hợp đồng bán thiết bị Switch	120,410.58 USD

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng	Giá trị hợp đồng
			Nam cấp Hà Nội cấp ngày 11/11/2010					
61	Công ty Viettel Cambodia Pte.Ltd	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Pnompennh, Campuchia	Tháng 10	77/NQ-HĐQT 06/10/2025	Hợp đồng bán máy nổ dầu	2,730,000.00 USD
62	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 12	84/NQ-HĐQT 12/12/2025	Hợp đồng bán thiết bị Storage	248,885.00 USD
63	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 12	84/NQ-HĐQT 12/12/2025	Hợp đồng bán thiết bị mạng	281,474.00 USD
64	Công ty National Telecom S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH-ĐTRNN/ĐC2 ngày 19/01/2022	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	Tháng 12	84/NQ-HĐQT 12/12/2025	Hợp đồng bán thiết bị máy chủ và phụ kiện	1,739,228.00 USD
TỔNG								83,993,638.7 USD

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

III – Hợp đồng bảo lãnh:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng	Giá trị hợp đồng
1	Công ty Viettel Burundi S.A	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 690/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 26/03/2014	Số 24, Avenue de L'Oua, Quartier Industriel, Ngagara, Bujumbura-Marie, Cộng hòa Bu-run-di	Tháng 1	05/NQ-HĐQT 13/01/2025	VTG bảo lãnh khoản vay cho VTB theo tỷ lệ góp vốn	30 triệu USD (bảo lãnh 94,988%)
1	Công ty Viettel Tanzania	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 689/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 24/03/2014	Plot No. 145, Regent Estate, Migombani street, Mikocheni, Post box 110230, Dar es Salaam, Cộng hòa Thống nhất Tan-da-ni-a	Tháng 4	30/NQ-HĐQT 14/4/2025	Hợp đồng vay song phương với Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam có bảo lãnh của VTG	20 triệu USD
2	Công ty Viettel Tanzania	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 689/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 24/03/2014	Plot No. 145, Regent Estate, Migombani street, Mikocheni, Post box 110230, Dar es Salaam, Cộng hòa Thống nhất Tan-da-ni-a	Tháng 6	55/NQ-HĐQT 29/6/2025	VTG bảo lãnh Hợp đồng vay của VTZ tại Wooribank	30 triệu USD
3	Công ty Viettel Tanzania	Người liên quan	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 689/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 24/03/2014	Plot No. 145, Regent Estate, Migombani street, Mikocheni, Post box 110230, Dar es Salaam, Cộng hòa Thống nhất Tan-da-ni-a	Tháng 8	66/NQ-HĐQT 27/8/2025	VTG bảo lãnh Hợp đồng vay hợp vốn của VTZ do Wooribank thu xếp	100 triệu USD
TỔNG								180 triệu USD

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)